

HỘI CHĂN NUÔI VIỆT NAM

CHĂN NUÔI GÀ THẢ VƯỜN VÀ GÀ TÂY



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

HỘI CHĂN NUÔI VIỆT NAM

CHĂN NUÔI
GÀ THẢ VƯỜN VÀ GÀ TÂY
(Tái bản)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2004

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ở nước ta hiện nay chăn nuôi gà đứng thứ hai sau chăn nuôi lợn. Tổng đàn gà có trên 135,760 triệu con, hàng năm sản xuất khoảng trên 198,2 nghìn tấn thịt, chiếm 11,58% lượng thịt sản xuất cho nhu cầu trong nước. Trong đó gà thả vườn chiếm 70%, gà công nghiệp chỉ có 30%. Gà thả vườn bao gồm các giống gà nội như gà Ri, gà Mía, gà Đông Tảo, gà Tàu và số lượng rất ít là gà Tây. Các giống gà thả vườn nhập nội đang được sản xuất tiếp nhận và mang lại hiệu quả kinh tế là gà Tam Hoàng dòng 882, Jiangcun, Babir, Lương Phượng... Trong đó tỷ lệ chăn nuôi ở vùng đồng bằng sông Hồng là 26,6%; vùng đồng bằng sông Cửu Long 21,92%; vùng Đông Bắc 19,07%; vùng Đông Nam bộ 12,64%; vùng Bắc Trung bộ 10,77%; vùng Tây Bắc 2,6%; vùng Tây Nguyên chỉ có 1,68%. Giá bán gà thả vườn bao giờ cũng cao nhất so với các loại gia súc, gia cầm khác. Chính vì vậy nhiều nông hộ và trang trại nhờ nuôi gà đã xóa được đói, giảm được nghèo và nhiều chủ trang trại đã giàu lên nhanh chóng. Tuy vậy kỹ thuật chăn nuôi gà thả vườn và gà Tây chưa được phổ biến rộng rãi ở nhiều vùng sinh thái, nhất là vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

Để giúp các hộ nông dân và các chủ trang trại làm giàu được từ chăn nuôi gà, Nhà xuất bản Nông nghiệp

giới thiệu cuốn "Cắm nang chăn nuôi gà thả vườn và gà Tây" do Hội Chăn nuôi Việt Nam biên soạn. Hy vọng cuốn sách sẽ giúp ích không chỉ cho các bạn đọc ngành chăn nuôi gia cầm mà cho nhiều người quan tâm đến nghề nuôi gà chăn thả.

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

CHĂN NUÔI GÀ THẢ VƯỜN

I. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG GÀ THẢ VƯỜN VIỆT NAM

1. Gà vườn nội

1.1. Gà Ri

Phân bố rộng toàn miền đất nước nhưng đã bị pha tạp nhiều. Sắc lông không đồng nhất. Gà mái có màu vàng, nâu, nâu nhạt, đen hoặc lốm đốm hoa mơ.

Gà trống màu tía hoặc vàng, có nơi pha lông đen như ở vùng Sơn Tây, Ninh Bình. Đầu thanh, đa số mào đơn. Da chân vàng, chân có 2 hàng vẩy, thịt vàng. Khối lượng 1 năm tuổi con trống nặng 1,8-2,5 kg, mái nặng 1,3-1,8 kg. Gà Ri phát dục sớm: 4-4,5 tháng đã bắt đầu đẻ. Sản lượng trứng năm 90-110 trứng. Nếu nuôi tốt, thực hiện chế độ cai ấp có con cho sản lượng trứng 164-182 quả (kết quả nghiên cứu của Viện Chăn nuôi, 1970). Khối lượng trứng 42-43 g. Thịt và trứng thơm ngon, tỷ lệ lòng đỏ cao (33,8%), nuôi con khéo, chịu đựng tốt, nhưng tầm vóc bé, trứng bé, sản lượng trứng thấp và tính đòi ấp cao.

2.2. Gà Đông Tảo

Gà ở thôn Đông Tảo, Khoái Châu, Hưng Yên. Sắc lông gà mái màu nâu bạc. Gà trống lông tía. Đặc điểm: đầu to, mào nụ, mắt sâu, chân to xù xì có nhiều hàng vảy, xương to, nhiều thịt nhưng thịt không mịn, da đỏ. Tiếng gáy đục và ngắn. Mái nặng 2,5-3 kg, trống nặng 3,5-4 kg. Sản lượng trứng năm 55-60 quả. Khối lượng trứng 55-57 g. Ưu: tầm vóc lớn, khối lượng trứng to. Nhược: xương to, đẻ ít, mọc lông muộn.

1.3. Gà Hồ

Nguồn gốc làng Hồ, Bắc Ninh. Sắc lông gà mái màu trắng sữa, màu vỏ nhãn hay màu đất thó. Gà trống màu tía, đầu cổ to, da đỏ. Chân hai hàng vảy, mào đơn. Mái trưởng thành nặng 2,5-3 kg, trống nặng 3,5-4 kg. Tuổi đẻ muộn 7,5-8 tháng. Sản lượng trứng năm 50-55 quả. Khối lượng trứng 55-58 g.

1.4. Gà Mía

Nguồn gốc ở huyện Tùng Thiện, xã Phùng Hưng, Hà Tây, bị pha tạp nhiều. Sắc lông gà trống màu tía, gà mái màu nâu xám hoặc vàng. Đầu to, mắt sâu, mào đơn, chân thô có 3 hàng vảy, da bụng đỏ. Khối lượng gà mái trưởng thành 2,5 - 3 kg, trống 3,5 - 4 kg. Tuổi đẻ muộn 7 - 8 tháng. Sản lượng trứng 55 - 50 quả, nặng 50 - 55g.

1.5. Gà Phù Lưu Tế

Gà Phù Lưu Tế ở xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây. Ngoại hình và năng suất giống gà Đông Tảo. Có ý kiến cho rằng gà Phù Lưu Tế có nguồn gốc từ gà Đông Tảo.

1.6. Gà Văn Phú

Nuôi nhiều ở Phú Thọ. Lông đen, chân chì, xương nhỏ. Một năm tuổi trống nặng 3,2kg, mái nặng 2-2,3 kg. Sản lượng trứng khá, một năm đẻ 80-100 trứng, khối lượng trứng 45g.

1.7. Gà Ô

Nuôi nhiều ở vùng Hà Giang, Lào Cai. Mình dài, thon, đùi to, lông đen, chân chì, cổ khoẻ, đầu dài, mỏ quặp, mắt lồi. Đây là một giống gà dùng để nuôi chọi. Một năm tuổi trống nặng 3,2-3,5 kg, mái nặng 2,5-2,8 kg. Sản lượng trứng năm 60-70 quả, khối lượng trứng 58-59 g.

1.8. Gà Nam Bộ

Hương cho thịt và trứng. Màu lông vàng hoặc lông đốm trắng. Chân có lông. Năng suất tương tự gà Văn Phú. Gà Nam Bộ có nguồn gốc là gà Cô - Khanh - Khin hay Lang San (Trung Quốc).

1.9. Gà Ác (Trà Vinh, Long An, Tiền Giang)

Gà Ác màu lông trắng xù như bông. Da, thịt, xương, mỏ, chân đều màu đen. Mào cờ đỏ bầm. Chân có hoặc không có lông và 5 ngón nên còn gọi là gà “ngũ trảo”. Sức sống cao, tỷ lệ sống từ mới nở đến 8 tuần tuổi đạt 98%. Phát dục sớm 110-120 ngày có thể đẻ. Sản lượng trứng năm 70-80 quả, nặng 30-32 g. Đây là loại gà thuốc, bồi dưỡng sức khỏe cho nam phụ lão ấu. Tỷ lệ sắt (Fe) trong thịt cao hơn gà thường là 45%, tỷ lệ axit amin cao hơn 25%.

1.10. Gà Ta vàng

Ở miền Nam, phân bố rộng như gà Ri miền Bắc (Đồng Nam bộ - Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh). Lông màu vàng có con pha lẫn màu đen. Con mái đầu thanh, mỏ vàng, mào đơn đỏ, tích và dái tai màu đỏ, cổ ngắn vừa phải, chân thấp có 2 hoặc 2,5 hàng vảy. Năng suất giống gà Ri.

1.11. Gà Tre

Vóc dáng nhỏ, thịt thơm ngon. Sáu tháng tuổi trống nặng 800-850 g, mái nặng 600-620 g. Đầu nhỏ, mào hạt đậu. Con trống thường có màu vàng ở cổ và đuôi, phần còn lại màu đen, lông dài. Lông con mái thường màu xám xen lẫn màu trắng. Sản lượng trứng 50-60 quả, nặng 21-22 g. Có nơi dùng gà Tre để làm canh và thi chọi.

1.12. Gà Nòi (còn gọi là gà Chọi)

Số lượng không nhiều, rải rác nhiều nơi, thường nuôi để đi thi gà chọi. Vùng Hóc Môn và các tỉnh miền Đông thường cho lai với gà ta để nuôi lấy thịt. Đặc điểm: màu lông đen xám, pha lẫn màu vàng tươi, lông đuôi đen, đầu to, mỏ màu đen, mào hạt đậu, tích và dải tai màu đỏ, mắt đen có vòng đỏ, cổ dài và to. Thân dài rộng, lưng ngang phẳng, chân cao có vảy đen xám, cựa sắc và dài. Một năm tuổi trống nặng 2,5-3 kg, mái nặng 1,8-1,9 kg. Sản lượng trứng 50-60 quả, vỏ trứng màu hồng.

1.13. Gà Tàu vàng

Phổ biến chủ yếu ở miền Nam, pha tạp nhiều. Mào đơn hoặc hạt đậu. Lông vàng. Chân có lông ở bàn, có khi ở cả ngón. Trưởng thành trống nặng 3kg, mái 2kg. Sản lượng trứng 70-90 quả, nặng 45-50g.

1.14. Gà ta lai gà Miên

Thường gặp ở vùng Tây Ninh, vùng giáp Miên. Đầu to vừa phải, mỏ màu vàng nhạt hoặc đen, mào hoa dâu, mắt màu nâu đen. Thân mình nhỏ, 12 tháng tuổi trống nặng 2-2,1 kg, mái nặng 1,6-1,65 kg. Khả năng chống bệnh tốt. Năng suất tương tự gà Ta vàng.

1.15. Gà ta lai gà rừng

Thường gặp ở huyện Bình Long tỉnh Bình Phước. Đầu con trống khá to, cổ dài 12-15 cm, mõng mắt màu

đỏ, mỏ màu trắng ngà, gốc sống mỏ có pha màu đen. Trống có mào đơn, mào mái hình hạt đậu, tích đỏ, dải tai trắng, chân màu chì. Sản lượng trứng 50 - 70 quả. Khối lượng trứng bé 28 - 29g. Khả năng chịu đựng rất cao.

2. Gà vườn nhập nội

2.1. Gà Tam Hoàng

Nhập vào nước ta từ Trung Quốc, Hồng Kông có 3 dòng: 882, Jiangcun (Giang thôn), Lương Phượng.

+ Dòng 882 màu lông vàng hoặc lốm đốm đen, đa số có cườm cổ. Ở 11 tuần tuổi trống nặng 1400-1450 g, mái nặng 1200g. Sản lượng trứng năm 155 quả, tiêu tốn thức ăn/10 trứng 3,200 kg.

+ Dòng Giang thôn (Jiangcun) lông màu vàng tuyền, 11 tuần tuổi trống nặng 1300g, mái nặng trên dưới 1kg. Sản lượng trứng năm 170 quả, tiêu tốn thức ăn/10 trứng từ 2,9-3,0 kg.

+ Dòng Lương Phượng lông vàng hoặc lốm đốm hoa, 11 tuần tuổi trống nặng 1900g mái nặng 1300g. Sản lượng trứng năm 158-160 quả, tiêu tốn thức ăn cho 10 trứng là 3,3kg.

2.2. Gà Sasso

Do hãng Sasso (Pháp) tạo ra, có nhiều dòng nhưng nước ta mới nhập 2 dòng SA31 và SA51. Gà có màu

lông nâu vàng hoặc nâu đỏ, màu đen; chân, da, mỏ rất vàng. Gà có sức chịu đựng tốt với điều kiện nóng ẩm. Dòng SA31 có sản lượng trứng 66 tuần tuổi là 187 quả. Khối lượng mái 20 tuần nặng 2010g. Dòng SA51 có sản lượng trứng 197 quả ở 66 tuần tuổi. Khối lượng mái 20 tuần trên dưới 1500g.

2.3. Gà Kabir (Israel)

Nhập vào nước ta tháng 7/1999 và được người nuôi ưa chuộng, sức sống tốt, phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam. Gà có màu lông nâu vàng hoặc đỏ vàng. Khối lượng cơ thể mái ở 20 tuần tuổi từ 2000-2100 g. Sản lượng trứng 70 tuần tuổi trên dưới 200 quả. Khối lượng trứng 57-58 g.

3. Gà cải tiến trong nước

3.1. Gà BT1, BT2

Được lai tạo tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi Bình Thắng trên đối tượng gà Goldline 54 và gà Rhode Ri. Gà có màu lông nâu nhạt, mỏ đen, khối lượng cơ thể 20 tuần trống nặng 2000-2200 g, mái nặng 1500-1700 g. Sản lượng trứng năm 180-200 quả, khối lượng trứng 54-55 g.

3.2. Gà Rhode Ri

Do Viện Chăn nuôi lai tạo, được công nhận nhóm giống năm 1985. Gà có màu lông nâu nhạt, mỏ đen.

Chân và da vàng. Sản lượng trứng năm 180-203 quả, khối lượng trứng 51-52g. Ở 20 tuần tuổi trọng nặng 2000g, mái nặng 1600-1700 g.

II. THỨC ĂN CỦA GÀ THẢ VƯỜN

Gà nội thả vườn lợi dụng thức ăn thiên nhiên là chính. Nhưng ngoài ra cũng phải cho ăn thêm thức ăn hỗn hợp. Lượng thức ăn hỗn hợp bổ sung nhiều hay ít tùy khả năng tìm kiếm thức ăn thiên nhiên của gà. Nguyên liệu thức ăn cho ăn thường có các loại như sau (Tiêu chuẩn khẩu phần ăn tham khảo phần phụ lục):

1. Thức ăn cung cấp bột đường

* Tăm gạo tẻ có 8,4% protein, năng lượng trao đổi ME: 2780 Kcal/kg. Tăm thường dùng cho gà con, tỷ lệ chiếm 10-15% trong khẩu phần.

* Ngô: Ngô là thức ăn tinh bột tốt nhất để nuôi gia cầm, chiếm 30-50% khẩu phần. Ngô đỏ, ngô vàng có nhiều sinh tố A, nhiều caroten. Gà ăn ngô cho thịt và lòng đỏ trứng vàng rất hấp dẫn. Gà con ăn ngô xay thành bột, gà dò ăn ngô mảnh. Gà trưởng thành có thể để nguyên hạt, nhưng ăn ngô mảnh vẫn tốt hơn.

* Kê có nhiều sinh tố A, tỷ lệ protein cao 13,3%. Gà con 5-15 ngày tuổi ăn kê rất tốt, dễ tiêu, mượt lông. Tỷ lệ kê chiếm 15-20% khẩu phần.

* Thóc: Đối với gà nội thả vườn, thóc là thức ăn chính, chiếm 20-30% khẩu phần. Đối với gà mái đẻ thóc ngâm mầm rất tốt vì chứa nhiều sinh tố D, E.

* Khoai lang, sắn, khoai tây là thức ăn nhiều tinh bột, giá thành rẻ phổ biến nhiều nơi ở nông thôn. Thường nấu chín, bóp nhỏ cho gia cầm ăn. Có thể cho ăn 10-15% trong khẩu phần.

2. Thức ăn giàu protein

Có 2 loại protein: protein động vật và protein thực vật.

2.1. Thức ăn protein động vật

* Bột cá là loại thức ăn giàu protein tốt nhất cho gà. Bột cá tạp cũng chứa đến 38,5-39% protein thô. Gia cầm kỵ mặn nên chỉ cho ăn bột cá nhạt, tỷ lệ 5-10% khẩu phần.

* Bột thịt, bột máu là phế phẩm của lò sát sinh. Nấu chín cho ăn, hoặc hấp ở nhiệt độ cao, nghiền nhỏ sấy khô ăn dần. Tỷ lệ không quá 10-15% trong khẩu phần.

* Các loại tôm, tép, cua, ốc, hến, sò, cào cào, châu chấu, tằm hồng, trứng chết phôi đều là thức ăn tốt cho gia cầm. Nếu so với cơ thể thì hàm lượng protein thô của bươm bươm chiếm 48%, châu chấu 65%, ve 72% và ong nghệ 81%. Vùng núi và trung du có thể gây mối, vùng đồng bằng gây giun và gà tự đào bới lên ăn.

Những vùng ven biển có thể tận dụng các phù du động vật như thủy trùn, rận nước cho gia cầm.

2.2. Thức ăn protein thực vật

* Tận dụng các loại đậu thứ phẩm như đậu tương (protein thô 37%), đậu xanh (23,7%), đậu mè (22%), đậu trắng, đậu đỏ (22,1%). Các loại đậu khi cho gà ăn phải luộc, rang hay hấp chín để khử độc tố. Tỷ lệ 7-15% trong khẩu phần.

* Các loại khô dầu như khô dầu đậu tương (44% protein thô) khô dầu lạc cả vỏ (30,6% protein), khô dầu lạc nhân (45,4% protein), khô dầu vừng (38,5% protein), khô dầu dừa (16,63% protein), cho ăn tỷ lệ 7-10% trong khẩu phần.

* Vừng: Vừng có nhiều protein, mỡ, metionin giúp cho gia cầm mọc lông nhanh. Hạt vừng nhỏ nên thường dùng cho gà con 5-20 ngày tuổi, tỷ lệ 5% khẩu phần.

* Bã đậu phụ: Những vùng sản xuất đậu phụ nên tận dụng bã cho gia cầm ăn. Gà con 5 - 10g, gà lớn 20-30 g/1 ngày.

3. Thức ăn giàu vitamin

Đối với gia cầm rất cần các loại vitamin A, B, D, E.

* Vitamin A giúp gia cầm chống lớn. Thiếu A gà hay đau mắt, nổi mụn ở thân, đầu, trứng nở kém. Vitamin

A có nhiều trong các loại rau xanh (rau muống, xu hào, xà lách, bắp cải...), các loại củ quả (bí đỏ, cà rốt...), các loại bèo (bèo hoa dâu, bèo cái, bèo tấm, bèo tây, rong biển, rau lấp...). Có thể cho ăn tươi hoặc ủ xanh, chế biến thành bột...

* Vitamin D cần cho gà để hấp thu canxi và photpho trong khẩu phần. Thiếu D gà chậm lớn, xương mềm, vỏ trứng mỏng. Vitamin D có thể tổng hợp dưới da nhờ ánh sáng mặt trời vì vậy lúc mặt trời lên cần thả gà ra sân chơi.

* Vitamin B có nhiều trong cám, bã bia, bã rượu, trong rau lang, rau muống, sâu bọ.

* Vitamin E cần cho gà mái, có nhiều trong thóc, ngô, đậu mọc mầm.

4. Thức ăn khoáng

Thức ăn khoáng cần cho gia cầm để tạo xương, tạo các muối khoáng trong máu, trong trứng và hình thành vỏ trứng. Những chất khoáng cần thiết nhất là canxi, photpho và muối.

* Canxi và photpho có nhiều trong bột xương. Lượng ăn không quá 2-3% khẩu phần.

Bột vỏ sò có nhiều canxi, số lượng cho ăn chiếm 2-5% khẩu phần. Có thể tận dụng vỏ trứng ở các lò ấp. Trước khi dùng phải hấp chín để sát trùng, phơi khô rồi xay

nhỏ. Tro bếp cũng có thể cung cấp chất khoáng. Trước khi dùng tro bếp nên để ra ngoài trời 20-30 ngày.

* Muối: Gia cầm cần muốn rất ít nhưng muối rất cần để kích thích gà ăn được nhiều và khoẻ mạnh. Lượng muối cần khoảng 0,3-0,35%. Trong bột cá thường có lượng muối nhất định. Nếu cho ăn bột cá thì không cần bổ sung thêm muối vì gà rất dễ bị ngộ độc muối nếu lượng muối cao.

Ngoài những khoáng đã lượng kể trên, gia cầm còn cần những chất khoáng vi lượng như sắt, đồng, kẽm, lưu huỳnh, mangan, coban... tuy liều lượng rất ít nhưng không thể thiếu. Gà thả vườn có thể tự tìm những chất này trong đất.

5. Nước uống

Nói đến thức ăn, không thể không quan tâm đến nước uống cho gia cầm.

Nước sạch đã được quy định như sau:

- Vi khuẩn E.coli tối đa 50 con/ml.
- Nồng độ nitrat tối đa 3-20 mg/lít.
- Độ pH 6,8-7,5.
- Độ cứng 60-80 mg Ca/lít
- Canxi 60 mg/lít, Na 32 mg/l
- Clo 14 mg/l, Sulfat 125 mg/l

- Cu 0,002 mg/l, Chì 0,02 mg/l
- Fe 0,2 mg/l, Zn 1,5 mg/l
- Magnésium 14 mg/l.

Nếu nước chứa nhiều nitrat (quá 20 mg/lít) sẽ ảnh hưởng đến năng suất, nhiều magnésium sẽ bị ỉa chảy, nhiều chì sẽ ngộ độc...

III. KỸ THUẬT CHỌN, BẢO QUẢN TRỨNG VÀ ẤP TRỨNG

1. Chọn trứng

Nên chọn trứng của những mái và trống khỏe mạnh. Mái có sản lượng trứng cao, trật đẻ kéo dài.

Hình dạng: Chỉ số hình dạng khoảng 1,3-1,32 (chiều dài trứng/chiều rộng).

Khối lượng: Trung bình của giống (trứng gà Ri 40-42g, Đông Tảo 48-50g, Mía 50-52g...).

Vỏ trứng: Sạch, không dính phân, dính máu, dày. Vỏ không bị rạn nứt, không bóng lộn vì trứng cũ vỏ thường bóng.

Trước lúc cho gà ấp nên soi để loại trừ trứng có buồng khí quá rộng (trứng cũ) hoặc buồng khí nằm đầu nhỏ. Loại trứng 2 lòng đỏ, có dị vật hoặc vệt máu trong trứng. Lòng đỏ di động chậm, dây chằng chắc là trứng mới.

2. Vận chuyển trứng

Nhẹ nhàng, tránh va chạm và nóng lạnh thay đổi đột ngột. Lúc vận chuyển có thể lót trứng trong trấu, rơm hoặc bao bọc bằng giấy.

Trước khi cho vào ấp nên xếp trứng ra khay để trứng nghỉ 12-24 giờ ở chỗ mát (18-20°C) độ ẩm 70-75%.

3. Thời gian bảo quản

Mùa hè tối đa 5 ngày, mùa đông 7 ngày.

4. Đảo trứng

Hai ngày đầu không cần đảo. Đến ngày thứ 3 nên đảo 1 ngày 1 lần để hạn chế phôi chết dính vào vỏ trứng.

Đối với gà thả vườn, ấp tự nhiên là chính (mái mẹ ấp). Có mấy điểm cần quan tâm (ấp máy xem phần gà công nghiệp).

5. Thời gian ấp tái sản xuất đàn

Mỗi năm nên tập trung cho ấp 2 vụ: vụ xuân (tháng 2, 3, 4, dương lịch) và vụ thu (tháng 8, 9).

Ấp vụ xuân có lợi: Thời tiết đã ấm áp, thiên nhiên dồi dào côn trùng và rau xanh nên chất lượng trứng tốt, tỷ lệ nở cao, gà con khỏe mạnh lớn nhanh. Gà lớn lên gặp vụ thu hoạch lúa chiêm dễ tìm kiếm thóc rơi vãi. Nhưng bất lợi ở chỗ: thời tiết ẩm ướt, vi khuẩn có điều kiện phát triển, gà dễ mắc bệnh đặc biệt là bệnh đường ruột và bệnh đậu.

Ấp vụ thu có lợi là gà mẹ sau lúc thay lông sức khoẻ được hồi phục. Gà con lớn lên đón vụ mùa đủ thóc rơi vãi để tự tìm kiếm. Ở nước ta nên ấp vụ này vì tuy gà con không lớn nhanh bằng vụ xuân nhưng ít bệnh, tỷ lệ nuôi sống cao.

6. Chọn mái ấp

Gà mái đã đẻ hết trứng nhưng còn sung sức, không có bệnh tật, không có ký sinh trùng (ghẻ, mạt), lông không xơ xác, đầu thanh nhỏ, chân cao vừa phải, lông tơ nhiều. Gà không bé quá sẽ ấp được ít trứng, không to quá sẽ nặng nề lên xuống dễ làm vỡ trứng. Gà có tính đòi ấp say (thử bằng cách bỏ vào ổ một vài quả trứng, cho gà ấp vài ba ngày không bỏ ổ là được). Có thể dùng gà tây, ngan ấp trứng thay gà.

7. Các điều kiện trong quá trình ấp

- Số lượng trứng 13-17 quả tùy mái to nhỏ. Nên để số trứng lẻ vì số chẵn một quả thường bị lăn ra ngoài, mất nhiệt, phát dục không đều.

- Ổ ấp: Thúng, rổ hoặc đóng hộp gỗ có diện tích 40cm × 40cm. Lót rơm khô để ở vị trí thoáng, khô ráo, yên tĩnh, không sáng quá. Dưới lớp rơm nên lót lá “mần tưới” hoặc lá xoan tươi để tránh mạt, rận phát sinh.

Nếu trong quá trình ấp, gà say quá không chịu xuống ăn thì mỗi ngày 2 lần bắt gà xuống cho ăn để

duy trì sức khỏe và tránh bài tiết phân vào ổ. Thức ăn của gà lúc này là các hạt ngũ cốc nhiều tinh bột như ngô, thóc để cung cấp nhiều nhiệt lượng, tiêu hoá chậm, thời gian duy trì dài. Cho ăn thêm rau xanh để cung cấp vitamin. Mỗi lần cho gà xuống ăn khoảng 10-20'. Lâu quá sẽ ảnh hưởng đến sự mất nhiệt của trứng. Gân chỗ gà ăn nên có hố tắm cát (cát + tro bếp + 1% lưu huỳnh) để gà ăn xong tranh thủ tắm, trừ mạt.

- Soi trứng: Soi 2 lần vào ngày ấp thứ 7 và ngày 18 để loại bỏ những trứng không phôi, chết phôi. Số trứng còn lại dồn cho một số mái còn sung sức ấp. Giải phóng số mái thừa, cho ăn tốt để tiếp tục đẻ lại.

IV. KỸ THUẬT NUÔI GÀ CON

1. Lúc gà bắt đầu nở (ngày 20, 21)

Lúc gà bắt đầu nở nhất dần các con ra. Cho mỗi mái nuôi 15-20 con. Để tránh tình trạng gà mẹ dẫn gà con còn non đi kiếm ăn, gà con dễ bị bệnh, sa hố hoặc bị chôn, cáo, diều cấp, có thể lấy nơm nhốt gà mẹ, gà con có thể chui ra chui vào, lúc lạnh tự động chui vào cho mẹ ấp. Thức ăn, nước uống của gà con để ngoài nơm để lúc đói gà con tự chui ra ăn. Sau 2 tuần (mùa đông 3 tuần) tách gà con khỏi mẹ, nuôi riêng, để gà mẹ nhanh chóng đẻ trứng trở lại.

Đối với gà con, cơ thể chưa hoàn chỉnh, sức đề kháng yếu, khả năng điều nhiệt hạn chế, tốc độ sinh trưởng cao. Cần quan tâm:

a) Chát độn chuồng rơm thái ngắn, hoặc trấu, mùn cưa. Tốt nhất là phơi bào rải dày 10-15cm, khô ráo, sạch.

b) Máng ăn: Bằng met đan hoặc máng tôn vuông cao 40cm, rộng 40cm, dài 60cm cho 100 gà mới nở.

c) Máng uống: Dùng chậu sành, trên đan 1 cái nôm nhỏ úp vừa chậu, để gà ở ngoài thò mỏ vào uống mà không nhúng chân vào được. Có thể sử dụng các chai đựng đầy nước úp ngược vào đĩa. Trong chai cắm 1 cái đũa dài hơn chai để nước tự do chảy dần từ chai xuống đĩa. Gà uống đến đâu, nước chảy tiếp đến đấy.

Hàng ngày rửa sạch máng uống, quét sạch máng ăn.

d) Nhiệt độ:

Gà 21-30 ngày tuổi nhờ mẹ ấp ủ cho nên sau 3 tuần đã tách khỏi mẹ, cần bố trí phòng nuôi có nhiệt độ 26-28°C. Cứ 10 ngày sau lại giảm 3-5°. Mùa hè nhiệt độ sưởi so mùa đông giảm 2-3°. Chính xác nhất là quan sát đàn gà. Nếu gà túm tụm vào nguồn nhiệt kêu chim chirp không ăn là thiếu nhiệt. Gà tản xa nguồn nhiệt, há miệng thở là thừa nhiệt. Gà đi lại sờn sờn ăn uống bình thường là nhiệt vừa đủ. Gà 2 tháng tuổi nhiệt độ thích hợp là 20°C.

e) Mật độ (số gà nhốt trong 1m^2 chuồng)

Mùa thu đông:

Tuổi:	20-30 ngày	31-45 ngày	46-60 ngày
Mật độ:	20-25 con	15-20 con	12-15 con

Mùa hè nóng nực có thể giảm 10% số lượng gà.

g) Độ ẩm: Độ ẩm thích hợp 65-70%. Lúc nền chuồng bị ẩm, thay ngay chất đệm cho chuồng khô ráo.

h) Ánh sáng: Dùng bóng điện treo cao cách nền chuồng 2,5m với cường độ ánh sáng tùy theo tuổi gà như sau:

Tuổi:	1-20 ngày	21-40 ngày	41-66 ngày
Tuổi:	5 W/m^2	3 W/m^2	1,4 W/m^2

- Thời gian chiếu sáng: 1-2 tuần đầu chiếu sáng 24/24 giờ. Sau đó cứ mỗi tuần giảm 20-30'. Gà thả vườn sau 3 tuần cho ra ngoài tắm nắng một ngày khoảng 15-20'. Đến 5 tuần cho tự do ra vào. Gà chỉ thả ra sân vào ban mai lúc sương đã tan.

- Chuồng cần làm hướng nam hoặc đông nam, thoáng mát mùa hè, ấm áp mùa đông.

2. Nuôi dưỡng gà con

Nên chọn những thức ăn có sẵn ở địa phương giá rẻ và có nhiều loại thức ăn để hỗ trợ chất dinh dưỡng cho nhau mà gà lại thích ăn.

Tiêu chuẩn	Khẩu phần cơ sở là ngô		Khẩu phần cơ sở là thóc		Khẩu phần cơ sở là củ	
	1-30 ngày (%)	31-60 ngày (%)	1-30 ngày (%)	31-60 ngày (%)	1-30 ngày (%)	31-60 ngày (%)
Tỷ lệ protein thô (%)	16,40	15,60	16,40	15,60	16,2	15,0
Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	3002,67	2904,6	2781,87	2183,8	2149,85	2019,2
Tỷ lệ xơ (%)	2,92	3,53	3,49	4,07	3,63	4,52
Tỷ lệ canxi (%)	1,45	1,38	1,48	1,30	1,50	1,43
Tỷ lệ photpho (%)	0,65	0,71	0,63	0,69	0,67	0,77
Tỷ lệ mỡ (%)	4,49	5,67	3,80	4,91	3,31	5,14
Năng lượng trao đổi/protein thô	182	185	169	171	134	135

Gà con 1-30 ngày chưa nên cho ăn rau. Nhưng nếu không có premix vitamin thì sau 30 ngày tập cho ăn bèo, rau rửa sạch, thái nhỏ. Rau bèo có thể cho ăn riêng hoặc trộn lẫn với thức ăn hỗn hợp. Gà sau 1 tháng tuổi tập cho ăn thóc mọc mầm, ban đầu băm ngắn, tiến tới cho ăn nguyên hạt.

- Lượng thức ăn 1 ngày đêm:

Tuổi (tuần)	Lượng thức ăn (g)
1	6-7
2	10-11
3	14-15
4	16-22
5	24-25
6	26-30
7	32-38
8	39-44

- Số bữa ăn: Ngày cho ăn 6 lần, mỗi lần cách nhau khoảng 2 giờ, cho ăn đúng giờ quy định.

Như trên đã trình bày, giai đoạn gà con (1-2 tháng tuổi) cơ thể chưa hoàn chỉnh, sức đề kháng kém, vì vậy đối với một số bệnh đã có vaccin phòng, cần nghiêm túc thi hành như:

- Marek (u cục ở phủ tạng, da, mắt, thần kinh).

- Gumboro (phân loãng có bọt khí, nằm liệt, các cơ xuất huyết, đặc biệt túi Fabricius gần lỗ huyết sưng to hoặc chứa đầy máu).

- Đậu (có những nốt màu xám ở mào, chân, mắt).

- Newcastle (lạ phân xanh, đầu nghẹo, kêu "toóc toóc").

Ngoài ra nên đề phòng một số bệnh như sau:

* Chống bạch ly, hen gà truyền qua phôi và các stress.

Cho uống lúc gà bắt đầu xuống chuồng (1 ngày tuổi).

Stress-ban 10gr + Streptomycin 1gr + 1,5 lít nước cho 400-500 gà 1 ngày tuổi uống/1 ngày. Liên tục 3 ngày. Kết hợp với: 10ml vitamin A hoặc ADE₃, B.complex trộn với 500-600 g thức ăn hỗn hợp cho 500 gà. Liên tục 3 ngày.

* Phòng trị cầu trùng và các bệnh nhiễm khuẩn (7 ngày tuổi trở lên).

Cocci - stop.ESB₃ hoặc Anti - coccid: 1 gói 20g pha với 20 lít nước cho 100kg gà uống trong 1 ngày. Liên tục 3 ngày. Nếu có hiện tượng phân gà sống lẫn bọt khí, có màu sấp nâu hoặc máu tươi thì phải tăng gấp đôi liều lên. Có thể kết hợp tiêm bắp 0,3ml kanamycin 10%/1 lần/ngày. Dùng trong 2 - 3 ngày bệnh có thể khỏi.

* Phòng trị hen gà:

Cần giữ chuồng thật khô ráo.

Liều phòng: Dùng 1g Anti-CRD pha 1 lít nước cho uống vào các ngày 9-12, 18-21, 28-30, 38-40 ngày tuổi.

Liều chữa: gấp đôi.

V. KỸ THUẬT NUÔI GÀ DÒ, HẬU BỊ

Giai đoạn gà dò, gà hậu bị là từ 3 đến 5 tháng tuổi. Lúc này gà đã chống chịu được điều kiện ngoại cảnh như nóng, lạnh... Nhưng vì đa số thời gian trong ngày, gà đi lại ngoài trời để tự tìm kiếm thức ăn nên dễ nhiễm bệnh, đặc biệt là bệnh ký sinh trùng (giun, sán, ghê chân).

- Dụng cụ và nhà nuôi gà dò, gà hậu bị:

Nuôi trống riêng, mái riêng cùng chung một độ tuổi. Mỗi ngăn chuồng nuôi khoảng 100-200 con. Chất đệm chuồng cũng như của gà con.

* Máng ăn: Làm bằng gỗ, ống bương hay tôn dài 1m, rộng 0,15m, cao 5cm có thanh ngang ở trên. Mỗi gà cần 5-10 cm tùy độ tuổi.

* Máng uống: Có điều kiện thì mua máng uống nhựa hoặc tôn tròn chế tạo sẵn ở các nhà máy. Có thể tận dụng chậu sành kê cách mặt đất 15-20 cm, có chụp ở trên để gà chỉ thò mỏ vào uống chứ không dẫm chân vào.

* Cầu đậu: Gà dò cần có cầu đậu để gà ngủ ban đêm. Cầu làm bằng tre hay gỗ tròn vót cạnh, bản rộng 3-4 cm, kê cách mặt đất 30-50 cm, mỗi thanh cách nhau khoảng 25-30 cm. Tùy tuổi gà, mỗi con cần 10-20 cm chiều dài cầu.

* Hố tắm cát: Cần có hố tắm cát cho gà để trừ mạt và để bong các tế bào già ngoài da. Hố có thể bằng gỗ hoặc xây xi măng ở góc sân chơi dài 1m rộng 60cm, cao 15cm dùng cho 1 đàn gà 100-200 con. Trong hố trộn 1 phần cát + 1 phần tro bếp và 1% lưu huỳnh.

* Mật độ nhốt (số con/m²):

2-3 tháng tuổi nhốt 10 con/m².

3-4 tháng tuổi nhốt 8 con.

4-5 tháng tuổi nhốt 6 con.

* Nhiệt độ: Về mùa đông cũng nên quan sát trạng thái đàn gà, đặc biệt là những giống mọc lông muộn như Đông Tảo để kéo dài thời gian sưởi ấm thêm.

Trước khi chuyển sang mái đẻ phải tẩy giun cho gà.

- Tiêu chuẩn khẩu phần cho gà dò, gà hậu bị

Tuỳ nguồn thức ăn có sẵn ở địa phương mà phối hợp khẩu phần cho gà, chú trọng đầy đủ các thành phần nguyên liệu như bột đường, protein động vật, thực vật, khoáng, vitamin v.v...

Sau đây giới thiệu một số tiêu chuẩn đối với gà thả vườn:

Giai đoạn gà dò, gà hậu bị:

Tiêu chuẩn	Khẩu phần cơ sở là ngô (%)	Khẩu phần cơ sở là thóc (%)	Khẩu phần cơ sở là củ (%)
Protein thô (%)	13,20	13,20	13,41
Mỡ (%)	6,81	6,06	6,90
Xơ (%)	4,31	5,12	5,64
Canxi (%)	1,52	1,55	1,68
Photpho (%)	0,73	0,70	0,78
(ME) Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	2670	2500	2300

Thức ăn hỗn hợp trộn với 30% rau hoặc bèo rửa sạch

* Lượng thức ăn 1 ngày đêm:

6-70 ngày ăn 45-50g

71-90 ngày ăn 51-60g

91-120 ngày ăn 62-70g

121-150 ngày ăn 75-90g.

Lượng thức ăn trên chỉ để tham khảo. Đối với gà thả vườn, nếu khu vực chăn thả dồi dào thức ăn thiên nhiên, gà tự tìm kiếm no rồi thì chỉ cần bổ sung thêm 1/4-1/3 lượng thức ăn vào buổi sáng và buổi chiều trước khi vào chuồng ngủ.

Ở giai đoạn 3-5 tháng tuổi gà dò và hậu bị đã chống chịu được một số điều kiện bất lợi của ngoại cảnh nhưng đối với gà thả vườn thường tiếp xúc với thiên nhiên nên dễ nhiễm một số bệnh ký sinh trùng như giun sán, ghẻ chân (xem chương X).

Ở giai đoạn gà hậu bị hay bị bệnh tụ huyết trùng cấp tính. Ngoài ra tuy đã tiêm phòng vaccin Marek 1 ngày tuổi nhưng trước lúc đẻ gà hay bị u cục ở phủ tạng, buồng trứng. Có thể do bệnh Lơ-cô hoặc u cục chưa rõ nguyên nhân.

Ở nước ta chưa thấy có vaccin phòng loại bệnh này. Tốt nhất là phát hiện sớm, cách ly con ốm và tẩy uế chuồng thật sạch. Đối với gà dò, gà hậu bị cần quan tâm hai vấn đề: trước lúc chuyển từ giai đoạn gà con sang gà dò phải tiêm phòng Newcastle hệ 1 (35 ngày tuổi).

Trước lúc chuyển gà hậu bị lên gà mái đẻ phải tẩy giun sán. Bốn tháng sau lần tiêm Newcastle hệ 1 lần thứ nhất, lặp lại tiêm lần thứ 2.

VI. KỸ THUẬT NUÔI GÀ ĐẼ

Đối với gà mái đẻ ngoài nhu cầu thức ăn để duy trì cơ thể còn cần thức ăn để sản xuất ra trứng là một sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao. Do đó cần bổ sung đầy đủ chất dinh dưỡng như tinh bột, protein, khoáng, vitamin. Quan niệm cũ đối với gà thả vườn là phó thác cho gà tự kiếm ăn trong thiên nhiên chỉ phù hợp với phương thức sản xuất nhỏ của gia đình, có vườn thả rộng dồi dào thức ăn. Nuôi kiểu này may thì được, không may thì thất thu. Vì vậy cũng nên quan tâm đến một số điều kiện về kỹ thuật đối với gà đẻ mặc dầu đó là gà thả vườn.

1. Mật độ chuồng

Mật độ chuồng 4-6 con/m².

2. Nhiệt độ thích hợp

Nhiệt độ thích hợp 18-20°C.

3. Độ ẩm chuồng nuôi

Độ ẩm chuồng nuôi 70-75% (lúc chuồng bị ướt thay ngay chất độn).

4. Ánh sáng

Ánh sáng đối với gà đẻ rất cần thiết. Ánh sáng tác động vào tuyến yên thúc đẩy tiết dịch hoocmon kích thích sự phát triển của bao noãn, đẩy mạnh tốc độ phát triển của buồng trứng và tạo ra thể vàng.

Nhu cầu ánh sáng của gà mái là:

19 tuần tuổi chiếu 13 giờ trong 1 ngày đêm.

20 tuần tuổi chiếu 14 giờ trong 1 ngày đêm.

21 tuần tuổi chiếu 15 giờ trong 1 ngày đêm.

Sau 148 ngày tuổi chiếu 16 giờ/1 ngày đêm. Cường độ chiếu sáng 30 lux (tương đương bóng đèn 3 W/m² chuồng, treo cao cách nền chuồng 2-2,5m). Nước ta thuộc miền nhiệt đới, về mùa hè gà có thể tận dụng ánh sáng thiên nhiên. Mùa đông âm u, đêm dài ngày ngắn nên bổ sung thêm ánh sáng trong chuồng để gà đẻ sớm và đẻ rộ.

5. Tiêu chuẩn khẩu phần

Tiêu chuẩn	Khẩu phần cơ sở là ngô (%)	Khẩu phần cơ sở là thóc (%)	Khẩu phần cơ sở là bột củ (%)
Tỷ lệ protein	15,10	15,10	14,52
Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	2750	2700	2600
Mỡ	6,77	5,80	5,48
Canxi	1,96	1,54	2,02
Photpho	0,79	0,76	0,81
Rau xanh	50% khẩu phần	50% khẩu phần	50% khẩu phần

- Lượng ăn hàng ngày: mái 90-95g

trống 110-120g

Lượng thức ăn trên áp dụng cho gà nuôi nhốt hoàn toàn. Đối với gà thả vườn tùy mức độ kiếm ăn trong thiên nhiên (xem điều có no không) mà bổ sung thêm vào buổi sáng trước khi thả gà vào buổi chiều lúc gà về chuồng với lượng thức ăn 1/2-1/4 lượng thức ăn nuôi nhốt nói trên.

Đối với gà mái đẻ, cần quan tâm thêm mấy vấn đề:

* Chọn mái đẻ:

Chọn mái con của mái mẹ đẻ tốt, vô bệnh đặc biệt là bệnh bạch ly. Ngoại hình: chân cao vừa phải, đầu thanh, mắt sáng, mọc lông sớm. Khoảng cách giữa xương lườn (xương mỏ ác) và xương chậu để lọt bàn tay. Bụng mềm mại, lỗ huyết mọng, khoảng cách giữa 2 xương chậu rộng. Để hạn chế bớt mức độ pha tạp của gà nội hiện nay nên chọn màu lông, mào, chân, vẩy... theo đặc trưng từng giống đã giới thiệu ở phần trên.

6. Tỷ lệ ghép đàn

Gà nhẹ cân (Ri, Tàu vàng, Ta vàng...) 1 trống phụ trách 10-13 mái.

Gà thịt (Đồng Tảo) 1 trống 5-6 mái.

Gà Mía, Hồ... 1 trống 7-8 mái.

Cũng cần căn cứ vào tỷ lệ phối cao thấp mà điều chỉnh mái cho thích hợp.

7. Bản năng đòi ấp và các phương pháp cai ấp

Tính đòi ấp là do tác động của chất prô-lắc-tin (PRL). Chất PRL thúc đẩy sự tiết sữa, sự phát triển của tuyến vú, kích thích thể vàng tiết chất progesterol. Gà nội Việt Nam có hàm lượng PRL cao nên tính đòi ấp mạnh. Để bảo tồn nòi giống nên gà nội hầu như con gà nào sau trật đẻ cũng đòi ấp. Thời gian đòi ấp, gà ngưng đẻ trứng, do vậy, để có sản lượng trứng cao cần áp dụng biện pháp cai ấp những mái không dự định để cho ấp. Có mấy biện pháp:

1) Cho gà vào lồng có lưới mắt cáo thưa để nơi sáng sủa thoáng đảng, hàng ngày cho ăn đầy đủ thức ăn giàu protein và rau xanh:

2) Bắt gà vào chuồng trống không có ổ đẻ, sáng sủa (vì gà hay tìm chỗ tối để nằm ấp bóng). Thả chung 1 gà trống khoẻ mạnh, hăng để mỗi lần gà mái nằm ấp thì bị gà trống đòi đập, xua gà mái dậy.

3) Lúc mái đòi ấp, thân nhiệt lên cao (trên 42°C). Có thể cho hạ nhiệt bằng cách cho uống viên giảm sốt (át-pê-rin) trong vòng vài ba ngày.

4) Nếu gà đòi ấp giữa mùa hè nóng nực có thể tắm cho gà hạ nhiệt, đồng thời lồng bị ướt gà không muốn nằm, quên dần việc ấp bóng.

Sau cai ấp 1 tuần, thấy gà không nằm nữa thì thả về chuồng cũ, cho ăn tốt để đẻ lại.

8. Hiện tượng thay lông

Mùa thu là mùa thay lông của gà. Thời gian này gà giảm đẻ, có con ngừng hẳn. Gà mái thường thay lông vào tháng 7, 8 dương lịch. Thời gian thay lông kéo dài 2-3 tháng. Lông bắt đầu thay từ đầu, cổ, ngực, bụng, mình cánh và đuôi. Nếu mái đẻ tốt thay lông muộn, thời gian thay lông ngắn. Mái đẻ tồi thay lông sớm, thời gian thay lông dài. Nên quan sát hiện tượng này để loại thải những mái đẻ kém, chỉ để lại những mái đẻ tốt trong mùa thu vì hệ số tương quan (r) giữa sản lượng trứng mùa thu và sản lượng trứng cả năm của gà là dương (+) và rất chặt chẽ. Loại sớm gà đẻ kém để đỡ tốn thức ăn.

Muốn rút ngắn thời gian thay lông nên tăng cường thức ăn giàu protein và rau xanh cho gà. Có thể bổ sung thêm lưu huỳnh vào khẩu phần theo tỷ lệ 1% để thúc đẩy mọc lông mới nhanh.

Giai đoạn gà bắt đầu đẻ thường xảy ra các bệnh tụ huyết trùng, bạch ly (dính dít). Đối với gà mắc bệnh bạch ly tuyệt đối không lấy trứng ấp, vì bệnh bạch ly có thể truyền qua trứng, qua phôi. Ngoài ra do cơ thể nặng nên gà hay bị sưng chân nếu chất độn chuồng không đủ độ dày (5cm) và bẩn. Cần giữ chất độn chuồng luôn luôn khô ráo và sạch.

Gà thả vườn nội địa còn có tính đòi ấp cao, thường tìm chỗ tối để nằm ấp bóng nên thường phát sinh bệnh rận, mạt gà hút hết máu, gà bị gầy dần, lông xơ xác năng suất đẻ giảm.

Mấy năm gần đây có hiện tượng gà giảm đẻ đột ngột. Trứng đẻ ra bị dị hình méo mó, vỏ mỏng hoặc không có vỏ, vỏ dính máu, tỷ lệ đẻ giảm 15-30%, có lúc lên đến 50%. Chất lượng protein của trứng cũng giảm. Người ta gọi bệnh này là “Hội chứng giảm sản lượng trứng” hay là “Hội chứng 76” (các nhà nghiên cứu Hà Lan mô tả lần đầu tiên vào năm 1976). Ở các nước chăn nuôi tiên tiến đã có vacxin tiêm phòng, ở nước ta chưa có. Gặp trường hợp này đành loại thải gà, vệ sinh tẩy uế chuồng trại và để trống chuồng một thời gian.

VII. KỸ THUẬT NUÔI GÀ THỊT

Nên vỗ béo vào lúc gà 4 tháng tuổi. Thời gian vỗ béo khoảng 1 tháng. Sau lúc chọn những trống và mái tốt, ngoại hình đẹp để lại làm giống tái sản xuất đàn, còn những con ngoại hình xấu thì vỗ béo bán thịt. Khẩu phần chủ yếu lúc này là chất bột đường (hydrat cacbon): thóc, tấm, ngô, khoai, sắn... để cung cấp năng lượng. Thức ăn có thể nấu chín, thêm béo, rau xanh, đầu tôm tép, cho ăn tự do. Nếu có điều kiện thì nuôi nhốt hoặc nuôi lồng để đỡ tốn năng lượng vận động. Chuồng nuôi

đừng để chỗ sáng quá. Nên chọn những giống gà xương nhỏ, thịt mịn, thể trọng đừng quá thấp để vỗ béo (gà Ri, gà Ta vàng, gà Mía...).

Ngoài ra, dân ta còn có tập quán vỗ béo gà trống thiên. Lúc gà tập gáy và bắt đầu “ghe mái” thì thiên. Trước lúc thiên cho gà nhịn đói một ngày. Có 2 cách thiên gà:

1. Thiên dưới bụng

Lấy tay kéo da bụng giữa khoảng cuối xương lườn và hậu môn, rạch một đoạn ngang dài khoảng 3-4 cm. Dùng ngón tay trở chọc thủng màng bụng, đẩy ruột sang một bên, lần theo xương sống lưng ngược lên tìm vị trí hòn cà. Dùng tay trở xoắn từ từ cho hòn cà đứt ra, khéo léo đưa hòn cà ra ngoài. Cũng động tác như vậy, lấy tiếp hòn cà thứ hai. Sau đó sát trùng vết mổ bằng cồn hoặc thuốc đỏ rồi khâu vết mổ lại. Thiên xong nhốt gà lại khoảng dăm hôm cho vết mổ khô rồi hãy thả gà ra ngoài. Quan sát sau lúc thiên, thả gà ra thấy gà đại tiện và máu không chảy nhiều là tốt.

Nghệ thuật thiên là làm sao lấy được nguyên vẹn hòn cà, đừng sót và máu chảy ít. Nếu cà bị vỡ hoặc sót lại thì thiên không tác dụng, gà vẫn có thể đập được mái.

2. Thiên cạnh sườn

Giữ gà nằm nghiêng, rạch 1 đường dài độ 3cm giữa 2 xương sườn cuối. Lấy tay vành rộng vết mổ, cắt hết

“bạc nhạc” để có thể thấy rõ hòn cà. Dùng ống trúc dài chừng 15cm, đường kính 1cm, ở giữa lòng ống luồn sợi dây cước, thắt thông lọng 1 đầu. Tròng thông lọng vào quả cà, kéo đi kéo lại nhẹ nhàng cho đến lúc quả cà đứt, rời ra. Dùng “panh” gấp cà ra. Nếu thiện thạo, chỉ cần mổ 1 bên cũng có thể lấy cả hai quả. Nếu chưa thạo, có thể mổ hai bên để lần lượt lấy 2 quả cà. Sau đó, khâu vết mổ (nếu vết mổ bé, không cần khâu, sát trùng). Thường sau lúc thiến gà hay bị tích hơi dưới da. Dùng kim chích cho hơi ra, da sẽ xẹp.

Gà sau lúc thiến cho ăn bình thường. Trước khi xuất bán vỗ béo bằng thức ăn giàu năng lượng như ngô, cám nấu chín, có thêm đầu tôm tép, rau xanh. Thời gian vỗ khoảng 1 tháng.

VIII. KỸ THUẬT MỔ KHẢO SÁT VÀ TÍNH CÁC THÀNH PHẦN

Để đánh giá phẩm chất đàn gà cần đánh giá chất lượng thịt từng bộ phận của thân thịt. Thành phần thân thịt gồm có:

- Khối lượng sống: Cân khối lượng gà để đói sau 12-18 giờ, chỉ cho uống nước.
- Khối lượng thịt xẻ: Cân khối lượng gà sau lúc cắt hết tiết, nhúng nước nóng già (70-80°C) vớt sạch lông, bỏ chân ở đoạn khuỷu, bỏ đầu ở chỗ xương Át-lát. Mổ

mọi lõi toàn bộ phủ tạng ra (điều, khí quản, thực quản, tim, gan, phổi, mề, bộ phận sinh dục, thận, lách).

- Cân phần ăn được: Mề (đã bỏ hết thức ăn, màng sừng ở bên trong). Gan (bỏ túi mật), tim, mỡ bụng, thận, lách, bộ phận sinh dục (hòn cà, buồng trứng).

- Cơ đùi: Rạch 1 lát từ khớp xương đùi song song với xương sống đến chỗ cơ đùi gắn vào xương sống. Lấy toàn bộ đùi trái ra, bỏ da và róc hết các xương (xương chày, xương mác, xương bánh chè, sụn) cân toàn bộ thịt còn lại, nhân đôi rồi tính theo phần trăm so với khối lượng thịt xẻ.

- Cơ ngực: Lấy toàn bộ cơ ngực bên trái (gồm cơ ngực lớn và cơ ngực nhỏ), bỏ da, xương lườn. Cân phần thịt róc được nhân đôi rồi tính phần trăm so với khối lượng thịt xẻ.

- Muốn đánh giá tỷ lệ xương có thể lấy khối lượng xương chày, xương mác, xương bánh chè, xương sụn để đánh giá, vì toàn bộ xương trong cơ thể gà có hệ số tương quan dương rất chặt chẽ với khối lượng các xương kể trên ($r = 0,93$).

Muốn biết các thành phần hoá học thì lấy thịt đùi và thịt lườn để phân tích. Các chỉ tiêu phân tích tùy mục đích đánh giá như vật chất khô, nước, protein thô, mỡ, glucit, khoáng (canxi, photpho, muối) và các axit amin.

IX. CHUỒNG TRẠI, SÂN CHƠI

Chuồng trại nuôi gà thả vườn có thể tận dụng nhà kho, nhà bếp, chuồng gia súc... sửa lại cho thoáng mát làm chuồng gà với nguyên tắc là chuồng phải sát trùng sạch sẽ thoáng khí, khô ráo, ẩm áp mùa đông, mát mẻ mùa hè và chú ý phòng ngừa chồn, cáo, chuột. Chuồng nên quay về hướng đông hay đông nam để ánh sáng ban mai có thể dọi vào chuồng. Chuồng nên trở nhiều cửa sổ để có thể mở cho thoáng, có nhiều ngăn có lưới mắt cáo khác nhau để có thể nuôi phân đàn. Nền chuồng rải chất độn (rơm thái ngắn, trấu, mùn cưa, phoi bào) để hút khô phân chuồng. Gà dò, gà mái có thể nuôi trên sàn hoặc tre, cách mặt đất 40-50 cm. Các thanh gỗ cách nhau vừa phải để chân gà không lọt xuống nhưng phân lọt được. Hàng ngày đổ tro dưới sàn để phân luôn khô và không bốc mùi tanh hôi. Gà con nuôi trên sàn lưới sẽ dễ phòng được các bệnh về đường ruột. Nuôi gà chăn thả cũng cần có chuồng để gà trú ban đêm và những ngày mưa nắng.

Mỗi chuồng gà có sân chăn thả gấp 3, 4 lần diện tích chuồng. Sân có rào xung quanh để tránh gà bị lạc. Có thể lợi dụng vườn cây ăn quả của các cụ hoặc khu rừng thực phẩm để thả gà. Gà sẽ tận dụng được các loại cây xanh, cỏ non, sâu bọ, cỏ cào, châu chấu, giun dế, sỏi cát của vườn, đồng thời diệt được cỏ dại, sâu hại, ấu trùng cho cây ăn quả và bón xới làm tăng độ xốp của đất

cho rễ cây phát triển. Xung quanh vườn nên trồng hàng rào thiên nhiên bằng cây keo dậu, cây so đũa... Gà ăn lá non keo dậu, so đũa, thịt da và lòng đỏ trứng sẽ rất vàng vì 2 loại lá này chứa nhiều protein và caroten.

Để gà khỏe mạnh, giảm bệnh tật, trong vườn có thể trồng các loại cây thuốc như sài đất, ngải cứu, chua me, mã đề... cho gà tự mổ ăn. Vườn thả cung cấp các chất protein dồi dào cho gà như côn trùng, sâu bọ... Ở các vùng trung du, vùng núi nên gây mối cho gà. Vùng đồng bằng nên gây giun.

Với diện tích 1ha vườn quả có thể nuôi 80-100 gà mái. Sân thả nên chia từng khu, khoảng 1/20 ha để luân phiên chăn thả thì tốt hơn. Lúc khu này hết thức ăn, dời gà sang khu khác đồng thời cây xới tấy uế khu cũ để diệt ký sinh trùng, vi khuẩn. Sau lúc diệt trùng trồng lại các loại cỏ, rau xanh ngắn ngày.

Tùy điều kiện thức ăn thiên nhiên trong vườn có phong phú hay không mà bổ sung thêm thức ăn cho gà. Nếu cuối ngày trước lúc vào chuồng thấy điều gà no thì thôi, nếu điều còn lép thì phải bổ sung thêm ngô, thóc, sắn, khoai cho gà. Đối với gà đẻ cho ăn thóc mầm rất tốt vì thóc mầm chứa nhiều vitamin E, D. Lượng thức ăn không nhiều thì mới có hiệu quả kinh tế. Lượng thức ăn này chiếm khoảng 1/2 hoặc 1/3 lượng thức ăn nuôi thâm canh.

Hàng ngày vào buổi sáng chờ mặt trời lên, sương tan mới thả gà ra ngoài vườn.

X. MỘT SỐ BỆNH GÀ NỘI THẢ VƯỜN HAY MẮC

Đối với gia cầm phòng bệnh hơn chữa bệnh. Nếu phòng bệnh không tốt, gà bị bệnh có chữa khỏi năng suất cũng giảm. Vì vậy đối với một số bệnh do siêu vi trùng, không có thuốc chữa đặc hiệu, phải tiêm phòng vaccin nghiêm túc.

Sau đây là lịch tiêm phòng một số bệnh gia cầm đã có vaccin phòng bệnh ở nước ta (theo Công ty thuốc Thú y Trung ương).

Ngày tuổi	Vaccin	Cách thức phòng
1	Marek	Tiêm bắp
2	Nhược độc chống bệnh Gumboro	Nhỏ mắt, mũi, mồm
3	Lasota	Nhỏ mắt, mũi, mồm
7	Chống cầu trùng Anticocc	Cho uống
	Vaccin đậu gà	Chủng vào cánh
	Vaccin nhược độc chống Gumboro lần 2	Cho uống
14	Vaccin nhược độc chống Gumboro lần 3	Cho uống
18	Lasota lần 2	Cho uống
19-20	Vaccin Gallimune chống hen gà	Tiêm bắp hoặc dưới da
35	Vaccin H1 chống Newcastle	Tiêm dưới da

Gà nội Việt Nam hay mắc một số bệnh như sau:

1. Bệnh bạch ly

Do gà mẹ bị bệnh truyền qua trứng giống sang gà con và do môi trường.

Bệnh tích:

Lòng đỏ không tiêu, màu vàng xanh. Gan, phổi xuất huyết sưng to, có nhiều chấm hoại tử li ti màu xanh nhạt. Lách sưng to, thận xuất huyết đỏ. Gà ỉa phân sống màu trắng, tanh, dính bết lông dít.

Đối với gà lớn thiếu máu, mào nhợt nhạt. Trứng non méo mó có màu vàng trắng hoặc đỏ thẫm do xuất huyết. Có trường hợp trứng non bị vỡ gây viêm phúc mạc bụng và viêm dính lung tung các cơ quan nội tạng. Nhiều con chết đột ngột vì gan bị vỡ.

Điều trị:

- Streptomycin tiêm bắp 0,035g/kg thể trọng/ngày.

Tiêm 3-5 ngày (một lọ dùng cho 18-20 kg thể trọng).

- Ampicillin tiêm bắp 0,05-0,1 g/kg thể trọng/ngày. tiêm 3 ngày liền.

Hoặc pha nước uống liều 0,1-0,15 g/kg thể trọng/ngày. Uống 3 ngày.

- Spectam poultry 10% tiêm bắp 0,020-0,025 g/kg thể trọng/ngày, trong 3-5 ngày.

- Neotesol (còn gọi là Neox, Neoxin, Avimyxin) cho uống trong 3 ngày, mỗi ngày 0.150 g/kg thể trọng.

- Chloramphenicol 10% tiêm bắp 0,05-0,06 g/kg thể trọng, tiêm 3 ngày.

Đối với gà con tốt nhất là dùng Spectam poultry, Streptomycin, Ampicillin. Các loại khác dùng cho gà lớn. Lúc dùng kèm theo cho uống Stress-bran hoặc vitamin B1, C...

Tuyệt đối không lấy trứng giống của gà trống gà mái bị bạch ly để tái sản xuất đàn.

2. Bệnh Newcastle (Tân thành gà)

Nhân dân thường gọi bệnh “rù”.

Bệnh tích:

Bệnh xảy ra ở mọi lứa tuổi, gây chết cao. Ngoài triệu chứng hô hấp gà kêu “toóc toóc”, còn bị ỉa chảy, phân xanh, gầy sọp. Chân, mỏ, khô. Ở thể thần kinh gà thường bị nghẹo đầu, quay tròn. Mổ khám dạ dày tuyến và ruột xuất huyết.

Bệnh do siêu vi trùng, phòng bệnh theo lịch trình bày trên (Lasota và vacxin H1).

3. Bệnh tụ huyết trùng

Nhân dân thường gọi bệnh “toi”. Ở thể quá cấp tính gà tự nhiên chết đột ngột, mào tím tái, mổ khám có lúc không thấy bệnh tích gì. Một số trường hợp có thanh dịch trong bao tim. Dưới màng tim có các nốt xuất huyết.

Trường hợp cấp tính thấy tụ máu trong các lớp da, mỡ bụng, màng ngoài bao tim, phúc mạc, màng treo

ruột, cơ quan sinh dục xuất huyết. Gan màu vàng, có những ổ hoại tử màu xám. Có con mái buồng trứng bị vỡ.

Biện pháp phòng chữa: Cách ly ngay những con ốm, tẩy uế chuồng trại, sân chơi. Có thể chữa các loại thuốc sau đây:

- Trisulfon-depot 1 gói 20g trộn 15-20 kg thức ăn, liên tục 2-3 ngày.

- Chloramphenicol hoặc tetracyclin, Oxytetracyclin 1g thuốc cho 30kg thể trọng/ngày. Liên tục 3 ngày (có thể pha nước uống hoặc trộn thức ăn).

- Colistamp loại chứa 0,5g ampicillin dùng cho 15-20 kg thể trọng/ngày. Loại chứa 1g ampicillin dùng cho 30-40 kg thể trọng/ngày. Dùng trong 3 ngày.

- Có thể tiêm phòng vaccin tụ huyết trùng nhưng hiệu lực vaccin còn hạn chế.

4. Bệnh đậu

Còn gọi là bệnh “trái gà”, bệnh “hoa xoan”, bệnh “dánh” do 1 loại virus gây nên. Có 2 thể:

- Thể ngoài da: Ở những nơi không có lông như chân, mào xuất hiện những mụn mọng nước màu xám, lớn dần có màu vàng và vỡ ra tạo thành nốt loét. Các nốt loét này nhanh chóng tạo thành vảy có màu nâu sẫm rồi bong ra không để lại vết sẹo. Cũng có lúc mắt bị nốt đậu, dẫn đến mù.

- Thể bạch hầu: Ở vùng miệng, họng mọc các mụn nhỏ màu trắng đục, vỡ ra thành hoại tử, sau đó phủ một lớp màng giả trắng như bã đậu, vết loét lan nhanh, gà đau đớn không ăn được, suy kiệt rồi chết.

Điều trị:

Phải chú ý chủng phòng vaccin đậu lúc gà 7-10 ngày tuổi. Sau 3-4 tháng chủng lại lần 2. Thể ngoài da có thể gỡ hết vảy rồi bôi cồn iốt 5% hoặc bôi xanh methylen.

Ở thể bạch hầu bổ sung thêm A, D3, E và một trong các loại kháng sinh như Neox với liều 80-150 mg/kg thể trọng/ngày. Tiếp tục 3 ngày. Hoặc tetracyclin, chloramphenicol 0,03 g/kg thể trọng trong 3 ngày liên.

5. Bệnh cầu trùng

Là một bệnh ký sinh trùng rất phổ biến, lây lan nhanh, chủ yếu ở đường miệng. Gà có tới 10 loại cầu trùng. Có loại ở ruột non, có loại ở ruột già, có loại ở cả ruột non, ruột già lẫn manh tràng. Có thể gây bệnh cho gà ở mọi lứa tuổi, đặc biệt từ 18-40 ngày thường bị rất nặng và ở thể cấp tính.

Bệnh tích:

Cánh sã, đậu ghẹo 1 bên, lông xác xơ, mắt nhắm, bỏ ăn, uống nước nhiều. Phân gà ban đầu màu trắng vàng xanh sau chuyển dần sang màu nâu có lẫn máu, có con ỉa máu tươi. Gà bị cầu trùng thường hay ghép với E.coli gây bại huyết.

Chữa bệnh:

- Tiêm kanamycin cho toàn đàn, liều lượng 1g cho 20-25 kg thể trọng/ngày. Tiêm 3 ngày liên tục.

- Gà khát uống nước nhiều. Nên trộn 20 lít nước với 10 ống vitamin C 2,5%-5 ml + 10 ống vitamin B1 1,25%-5ml + 20 ống vitamin K loại 2ml cho 300 gà có thể trọng 1kg uống trong 1 ngày. Liên tục 4-5 ngày.

- Furazolidon trộn thức ăn liều phòng 1,25 g/10 kg thức ăn, liên tục 4, 5 ngày tuổi cho đến 60 ngày tuổi. Liều chữa tăng gấp 2-3 liều phòng.

- Rigeccocin (còn gọi là clopydon, methylclopydon, methyl chlorpindol, coydon...) trộn vào thức ăn. Liều phòng 1,25 g/10kg thức ăn. Dùng liên tục từ 5-60 ngày tuổi. Liều chữa tăng 5 g/10kg thức ăn.

Gần đây người ta nghiên cứu thấy rằng furazolidon có lắng đọng trong thịt gây ung thư cho người nên một số nước cấm sử dụng.

6. Giun

Giun đũa (ký sinh trùng chủ yếu ở đường ruột), giun kim (ký sinh chủ yếu ở manh tràng), giun tóc (ký sinh ở ruột non), giun ở mắt, ở khí quản, ở phổi

Điều trị:

- Piperazin 200 mg/kg thể trọng trộn thức ăn, dùng 1 lần.

- Levamyzol 7,5% (của Bungari, Hungari, Pháp, Việt Nam) tiêm bắp cho gà mỗi con 0,2ml, tương đương 20 mg/kg thể trọng.

- Thelmisol (Pháp) tiêm bắp 1ml/kg thể trọng.

- Niverm (Úc) tiêm bắp 1ml/10 kg thể trọng.

7. Bệnh rận, mạt gà

Sống ký sinh ở lông đầu, cánh, mình gà. Gà bị bệnh nặng rất khó chịu, lông xơ xác, gầy dần. Cần có hố tắm cát (1/2 tro + 1/2 cát + 1% lưu huỳnh) để gà tự do vào tắm. Mùa hè trời nóng có thể dùng bột lưu huỳnh 60 gam + nước ấm 4 lít + ít xà phòng trộn nhuyễn như hồ, bôi nhanh khắp cơ thể gà (trừ mỏ, mắt, mũi). Sau đó thả gà ra phơi nắng, mạt sẽ chết hết. Khi lót ổ cho gà đẻ dùng rơm khô sạch, ở dưới lót lá cây “mần tưới” hoặc lá xoan tươi sẽ trị được mạt, rận.

8. Bệnh ghẻ chân voi

Chân gà sần sùi, sưng to có những vảy trắng. Kinh nghiệm dân gian thường chữa bằng cách nhúng 2 chân gà vào dầu hoả 2-3 phút, mỗi ngày 1 lần. Hoặc bôi vaselin trộn 0,5% DDT.

XI. HẠCH TOÁN GIÁ THÀNH

Đối với gà nuôi nhốt, nuôi nhiều có tính chất hàng hoá thì giá thành sản phẩm có nhiều mục phải hạch toán. Xin giới thiệu để bạn đọc tham khảo.

1. Chi các khoản

- 1) Tiền mua giống.
- 2) Tiền thức ăn, nước uống.
- 3) Tiền thuốc thú y.
- 4) Vật rẻ tiền mau hỏng (máng, chổi, xẻng v.v...).
- 5) Nguyên vật liệu (phoi bào, chất độn, vôi sát trùng...).
- 6) Văn phòng phẩm (giấy, bút ghi chép...).
- 7) Lương cán bộ, công nhân viên.
- 8) Bảo hiểm xã hội.
- 9) Bồi dưỡng, thưởng các dịp lễ, tết.
- 10) Khấu hao tài sản.
- 11) Sửa chữa nhỏ hàng năm.
- 12) Sửa chữa lớn (nếu có).
- 13) Bảo hộ lao động (áo quần, ủng, khẩu trang).
- 14) Lãi suất ngân hàng (nếu phải vay vốn Nhà nước).
- 15) Quản lý phí (lương lãnh đạo, bảo vệ, tạp vụ, thủ kho...).

2. Thu

Gà thịt:

- 1) Gà bán.
- 2) Phân gà.

Gà trứng:

- 1) Trứng ăn
- 2) Trứng giống.
- 3) Con giống.
- 4) Thịt sau lúc đẻ thải loại.
- 5) Phân.
- 6) Gà tồn chuồng (nếu có).

Đối với gà nội nuôi chăn thả, sản phẩm mang tính chất tự cấp tại chỗ, chưa phải hàng hoá nên chi phí cũng đơn giản. Nuôi gà thả vườn “lấy công làm lãi”, chuồng trại tận dụng do đó lúc tính toán giá thành chỉ cần tính:

- 1) Tiền mua giống.
- 2) Tiền thức ăn cho ăn thêm.
- 3) Tiền thuốc men, vacxin tiêm phòng.

Số tiền các khoản này thường chiếm 80% giá thành, chia 8 nhân 10 lần ta có thể ước tính được giá thành sản phẩm.

PHỤ LỤC
Khẩu phần ăn cho gà con

Các loại thức ăn	Khẩu phần cơ sở là ngô		Khẩu phần cơ sở là thóc		Khẩu phần cơ sở là củ (khoai, sắn)	
	1-30 ngày (%)	31-60 ngày (%)	1-30 ngày (%)	31-60 ngày (%)	1-30 ngày (%)	31-60 ngày (%)
Thóc tẻ nghiền			30,00	30,00		
Bột củ					30,00	30,00
Bột ngô	57,50	50,50	27,50	20,50	23,50	13,50
Cám loại 1		10,00		10,00		10,00
Tấm gạo	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
Bột cá (50% protein)	5,00	4,00	5,00	4,00	5,00	4,00
Bột khô lạc	3,00	7,00	3,00	7,00	5,00	8,00
Bột khô đậu tương	16,00	10,00	16,00	10,00	18,00	12,00
Men khô	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
Bột lá	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00
Bột vỏ sò	2,25	2,25	2,25	2,25	2,25	2,25
Hỗn hợp vitamin	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
Hỗn hợp khoáng	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
Muối ăn	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25
Cộng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

Khẩu phần ăn cho gà dò (61-150 ngày tuổi)

Các loại thức ăn	Khẩu phần cơ sở là ngô (%)	Khẩu phần cơ sở là thóc (%)	Khẩu phần cơ sở là bột củ (%)
Thóc tẻ (hạt)		40,00	
Bột củ			31,70
Bột ngô	50,70	15,70	
Cám loại 1	20,00	20,00	30,00
Tấm gạo	5,00		10,00
Bột cá (50% protein)	2,00	2,00	2,00
Bột khô dầu lạc	8,00	8,00	12,00
Bột khô đậu tương	4,00	4,00	4,00
Men khô	1,00	1,00	1,00
Bột lá	4,00	4,00	4,00
Bột vỏ sò	3,00	3,00	3,00
Hỗn hợp vitamin	1,00	1,00	1,00
Hỗn hợp khoáng	1,00	1,00	1,00
Muối ăn	0,30	0,30	0,30
Cộng:	100,00	100,00	100,00

Khẩu phần cho gà mái đẻ

Các loại thức ăn	Khẩu phần cơ sở là ngô (%)	Khẩu phần cơ sở là thóc (%)	Khẩu phần cơ sở là bột củ (%)
Thóc tẻ nghiền		38,50	
Bột củ			35,50
Bột ngô	38,50		
Cám loại 1	20,00	20,00	20,00
Tám gạo	10,00	10,00	10,00
Bột cá (50% protein)	4,00	4,00	4,00
Bột khô lạc	10,00	10,00	12,00
Bột khô đậu tương	5,00	5,00	6,00
Men khô	1,00	1,00	1,00
Bột lá	4,00	4,00	4,00
Bột vỏ sò	5,00	5,00	5,00
Hỗn hợp vitamin	1,00	1,00	1,00
Hỗn hợp khoáng	1,00	1,00	1,00
Muối ăn	0,50	0,50	0,50
Cộng	100,00	100,00	100,00

* *Ghi chú:* Nếu không có hỗn hợp (premix) vitamin và bột lá thì thay bằng rau xanh rửa sạch và sát trùng (lượng rau: 50% khẩu phần).

**Tiêu chuẩn khẩu phần ăn của gà Kabir áp dụng tại
Xi nghiệp gà giống Châu Thành**

Loại gà Ngày tuổi Nguyên liệu	Gà giống						Gà thương phẩm	
	Khởi động 1-21	Gà con 22-42	Gà dò 43-126	Tiền đẻ 127-161	Đẻ pha 1 162-245	Đẻ pha 2 246-490	0-4 tuần	5-9 tuần
Ngô vàng %	50	50,05	54,65	54,5	54,4	54,4	50	54,4
Cám gạo (mỳ) %	10	15	20	15	10	12	7	10
Khô đỗ tương %	20	20	15	18	20	18	20	20
Đậu tương rang %	7	5	-	-	-	-	10	5
Bột cá cao đạm %	10	7	5	6	5	5	10	8
Bột xương thịt %	2	2	2	2	3	3	2	2
Bột đá %	-	-	3	4	7	7	-	-
Premix vitamin %	0,35	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,35	0,25
Premix khoáng %	0,15	0,35	-	0,25	0,25	0,25	0,15	-
Lyzin %	0,10	-	-	-	-	-	0,10	-
DL. Metionin %	0,15	0,10	0,10	-	0,10	0,10	0,55	0,10
Men. %	0,25	0,25	-	-	-	-	0,25	0,25
Tổng cộng (%)	100	100	100	100	100	100	100	100
Thành phần dinh dưỡng								
ME (Kcal/kg)	2940	2850	2880	2850	2900	2850	2950	3050
Protein thô %	20,50	19,0	16,50	18,00	17,50	17,00	21,50	19,00
Xơ thô %	3,3	3,4	4,00	4,00	4,10	4,20	3,20	3,40
Mỡ thô %	3,9	3,6	3,10	3,40	3,40	3,20	4,00	3,70
Canxi %	1,02	1,02	0,95	2,75	3,95	4,10	1,02	1,01
Photpho hấp thụ %	0,43	0,44	0,42	0,45	0,42	0,42	0,42	0,41
Lyzin %	1,05	1,05	0,85	0,95	0,90	0,85	1,05	1,01
Metionin %	0,51	0,50	0,40	0,45	0,40	0,38	0,51	0,48
NaCl %	0,38	0,41	0,40	0,41	0,41	0,40	0,37	0,30
ME/Protein	143	150	170	158	166	168	137	160

Tiêu chuẩn ăn của gà con giống Tam Hoàng và Sasso
 (Tài liệu “Kỹ thuật nuôi gà thả vườn trong gia đình”
 của Hội Chăn nuôi 1999)

Tiêu chuẩn	Tam Hoàng 1-35 ngày tuổi	Sasso 1-21 ngày tuổi
Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	2800	2800
Protein thô (%)	18,50	18,00
Xơ thô (%)	3,20	3,5-4,0
Canxi (%)	1,00	1,0
Photpho (%)	0,70	0,5
Muối (%)	0,20	-
Lyzin (%)	1,05	0,90
Metionin (%)	0,44	0,40
Met + Cystin (%)	0,72	0,70

* Khẩu phần:	Tấm gạo	35%
	Tấm ngô	35%
	Khô đỗ tương	22%
	Bột cá nhạt	5%
	Premix khoáng	2%
	Premix vitamin	1%

* Lượng thức ăn hàng ngày cho 1 gà con:

Tuần 1: 13g

Tuần 2: 25g

Tuần 3: 34g

Có thể cho ăn thêm rau xanh rửa sạch thái nhỏ.

**Tiêu chuẩn ăn của gà Tam Hoàng, Sasso thả vườn
(giai đoạn hậu bị)**

(Tài liệu “Kỹ thuật nuôi gà thả vườn trong gia đình”
của Hội Chăn nuôi 1999)

Tiêu chuẩn	6-14 tuần tuổi	15-20 tuần tuổi
Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	2700-2800	2700-2800
Protein thô (%)	16-17	15-16
Xơ thô (%)	3,70	3,90
Canxi (%)	1,00	1,00
Photpho (%)	0,66	0,66
Lyzin (%)	0,75	0,70
Metionin (%)	0,34	0,32

*** Khẩu phần**

Thức ăn	6-4 tuần tuổi			15-20 tuần tuổi		
	Tỷ lệ (%)	ME (Kcal/kg)	Protein thô (%)	Tỷ lệ (%)	ME (Kcal/kg)	Protein thô (%)
Thóc	40	1089,20	2,960	40	1089,20	2,960
Ngô	24	810,24	2,232	25	844,00	2,325
Cám	13	336,44	1,703	14	362,32	1,834
Khô đậu tương	15	447,30	6,375	15	447,30	6,375
Bột cá	6	169,62	3,210	4	113,08	2,140
Khoáng	1		-	1	-	-
Premix vitamin	1		-	1	-	-
		2852,80	16,48		2855,90	15,63

*** Lượng ăn/ngày đẻ/gà (g)**

Tuần tuổi	Trống (g)	Mái (g)	Tuần tuổi	Trống (g)	Mái (g)	Tuần tuổi	Trống (g)	Mái (g)
7	46	42	12	62	59	17	81	72
8	49	46	13	66	61	18	86	75
9	53	50	14	70	63	19	89	78
10	56	53	15	73	65	20	94	81
11	59	56	16	77	69			

Tiêu chuẩn dinh dưỡng cho gà đẻ Tam Hoàng

Tiêu chuẩn	Giai đoạn đẻ (đồng xuân)	Giai đoạn đẻ (hè)
Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	2750	2750
Protein thô (%)	17,50	19,00
Mỡ thô (%)	3,70	3,30
Xơ thô (%)	3,50	3,50
Canxi (%)	3,00	3,20
Photpho tổng số (%)	0,60	0,62
Photpho hấp thu (%)	0,40	0,42
Lyzin (%)	0,86	0,96
Metionin (%)	0,43	0,48
Metionin + Cystin (%)	0,65	0,69
Clo (Cl) (%)	0,15	0,15
Muối (%)	0,20	0,20

Lượng ăn/ngày/một mái:

Tỷ lệ đẻ 40-45% ăn 110-120g

50-55% ăn 125-130g

60-65% ăn 140g

65-80% ăn 145g.

Tiêu chuẩn dinh dưỡng cho gà mái đẻ Sasso

Tiêu chuẩn	Gà đẻ giai đoạn 1 (20-28 tuần tuổi)	Gà đẻ giai đoạn 2 (29-70 tuần tuổi)	Gà trống giống
Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	2700	2700	2700
Protein thô (%)	16,00	15,50	12,00
Canxi (%)	3,50	4,00	0,90
Photpho (%)	0,45	0,40	0,35
Xơ (%)	3-4	3-4	3-4
Metionin (%)	0,36	0,34	0,24
Metionin + Cystin (%)	0,65	0,60	0,45
Lyzin (%)	0,72	0,72	0,66

Lượng ăn hàng ngày cho mỗi mái:

Tỷ lệ đẻ 51-70% ăn 110-115g.

Tỷ lệ đẻ 71-83% ăn 120-135g.

Khẩu phần nuôi gà thịt (61-150 tuần tuổi)

Thức ăn	Gà nội			Tam hoàng, Sasso		
	Tỷ lệ (%)	ME (Kcal/kg)	Protein (%)	Tỷ lệ (%)	ME (Kcal/kg)	Protein (%)
Ngô	42,50	1434,80	3,953	42,50	1434,80	3,953
Tấm gạo	20,00	581,20	1,900	21,00	601,10	1,995
Cám	5	129,20	0,655	7	181,20	0,917
Khô lạc	18	562,00	8,172	18	562,00	8,172
Bột cá	7	197,90	3,745	8	226,20	4,280
Rau xanh	4	9,4	0,084	-	-	-
Khoáng	2	-	-	2	-	-
Premix vitamin	1	-	-	1	-	-
Muối	0,5	-	-	0,5	-	-
		2914,5	18,51		3005,3	19,32

CHĂN NUÔI GÀ TÂY

I. ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH, SINH TRƯỞNG VÀ SINH SẢN

1. Đặc điểm ngoại hình

Gà tây thuộc loài gia cầm tầm vóc lớn. Con trống đầu tròn không có lông, con mái có ít lông. Da đầu mềm, màu xanh lơ, sần sùi có những cục con lốm đốm. Ở con trống, da cổ phát triển thành yếm da như một cái bị đeo ở cổ. Yếm da màu đỏ và thường hay co giãn. Yếm da có khả năng thay đổi màu sắc tùy từng trạng thái của cơ thể. Lúc bình thường có màu đỏ, khi tức giận hoặc lúc đập mái chuyển sang màu xanh tím, xanh lam hoặc tím hồng. Ở con mái, yếm da kém phát triển. Mào con trống màu đỏ hình cái đỉnh đóng thuyền. Có con mào phát triển dài hơn mỏ nên vòng xuống che cả mắt. Con mái mào kém phát triển. Mắt gà tây hình tròn màu nâu.

Thân gà tây to, lưng rộng, ngực rộng và dày. Ở gà trống trưởng thành, giữa ngực có một chùm lông sợi cứng như sợi móc. Cánh gà lông khỏe ôm sát thân. Ở con trống khi ghe mái, lúc tức giận cánh và đuôi xò

rộng. Bàn chân gà tây dài màu xanh thẫm. Cựa và ngón chân dài. Đùi to nhiều thịt có lông áp sát.

Màu sắc lông là một kiểu hình của giống. Các giống gà tây hiện có ở Việt Nam hầu hết có màu đen, rất ít con màu trắng hoặc hoa mơ.

Màu lông gà tây có sự thay đổi tùy từng lứa tuổi. Lúc mới nở bộ lông tơ có màu xám tro, có con đen đốm trắng ở đầu. Lúc trưởng thành lông vũ đen đồng nhất, một ít con có đốm trắng ở đuôi và đầu cánh.

Gà tây có tính bầy đàn cao. Bản năng đòi ấp và khả năng ấp trứng ở gà tây rất mạnh chẳng những ở con mái mà cả con trống cũng ấp trứng. Các giống gà tây nuôi công nghiệp đã mất dần tính đòi ấp.

Gà tây rất thích bay và có khả năng bay cao, bay xa hơn các giống gia cầm khác như gà, vịt, ngan, ngỗng.

2. Đặc điểm sinh trưởng của gà tây

Gà tây khác với các loại gia cầm khác như gà, vịt, ngan, ngỗng... bởi khả năng sinh trưởng của gà tây kéo dài hơn. Sinh trưởng tương đối ở gà tây tháng tuổi thứ nhất là 150% tương đương với gà, song thấp hơn ngỗng và vịt. Sang tháng thứ 2 là 100% cao hơn ngỗng, vịt và gà. Ở gà tây, khả năng sinh trưởng kéo dài đến 17-18 tuần tuổi ở gà tây giống nuôi công nghiệp và 24-30 tuần tuổi ở giống gà tây chăn thả.

Khối lượng cơ thể giống gà tây Việt Nam nuôi chăn thả từ sơ sinh đến 8 tuần tuổi (n = 2206 con)

Tuần tuổi	Khối lượng cơ thể (gam/con)	CV %
Sơ sinh	44,20 ± 0,47	5,41
1	81,32 ± 0,82	5,15
2	140,51 ± 1,26	4,60
3	252,15 ± 1,68	3,40
4	388,32 ± 2,50	3,28
5	473,84 ± 2,83	3,05
6	572,19 ± 3,27	2,92
7	655,30 ± 3,70	2,88
8	747,17 ± 3,98	2,71

Khối lượng cơ thể giống gà tây Việt Nam nuôi chăn thả từ 9-30 tuần tuổi (n = 1029 con trống và 1063 con mái)

Tháng tuổi	Khối lượng cơ thể (g/con)	
	Gà trống	Gà mái
8	775,30 ± 10,38	712,74 ± 4,86
10	992,04 ± 11,97	874,78 ± 6,98
12	1273,32 ± 16,13	1092,85 ± 10,24
14	1701,22 ± 20,07	1384,10 ± 13,10
16	2164,55 ± 23,63	1722,17 ± 15,41
18	2693,25 ± 27,36	1983,77 ± 17,20
20	3302,72 ± 30,56	2203,37 ± 18,44
22	3806,30 ± 35,04	2400,19 ± 19,92
24	4223,13 ± 37,17	2590,52 ± 20,87
26	4563,15 ± 38,00	2742,11 ± 21,49
28	4866,63 ± 39,99	2873,89 ± 23,29
30	5164,81 ± 40,72	3000,19 ± 52

**Kích thước một số chiều đo cơ thể gà tây (cm)
thời điểm 30 tuần tuổi**

Diễn giải Chỉ tiêu	Trống (n = 55)		Mái (n = 55)	
	$\bar{X} \pm m\bar{x}$	CV %	$\bar{X} \pm m\bar{x}$	CV %
Vòng ngực	54,28 ± 0,41	5,60	37,50 ± 0,14	2,77
Dài thân	33,00 ± 0,10	2,25	27,01 ± 0,08	2,20
Dài lườn	14,78 ± 0,07	3,15	11,79 ± 0,05	3,15
Dài đùi	20,10 ± 0,06	2,21	17,70 ± 0,06	2,51
Dài bàn chân	13,80 ± 0,04	2,15	12,93 ± 0,05	2,87

3. Đặc điểm sinh sản của gà tây

Khối lượng cơ thể gà tây lúc đẻ khá lớn và sự chênh lệch con trống, con mái cao: Con mái 2,3-3,6 kg; con trống 2,5-5,3 kg.

Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên của gà tây cũng tùy theo giống và phương thức chăn nuôi.

Một số chỉ tiêu sinh sản của gà tây

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Gà tây Pháp (trắng)	Gà tây Pháp (đen)	Gà tây Việt Nam
Tuổi đẻ	tuần	37	35	28
- Khối lượng cơ thể khi bắt đầu phối giống	g	9081	3619	2947
- Khối lượng mái khi vào đẻ	g	7560	4876	4541
- Tỷ lệ đẻ cao nhất	%	78,79	48,18	43,68
- Khối lượng trứng	g	82,16	73,23	67,03
- Tỷ lệ phôi	%	93,33	85,40	70,60
- Tỷ lệ nở/phôi	%	91,95	87,60	81,41

Gà tây Việt Nam chăn thả bắt đầu đẻ vào tuổi 30 - 31 tuần tuổi. Sản lượng trứng bình quân 60 - 70 quả/mái/năm. Khối lượng trứng 62,68g ở vụ đẻ đầu tiên và 71,67g ở vụ đẻ thứ 2.

Màu sắc vỏ trứng không phải là chỉ tiêu có ý nghĩa quyết định đến tỷ lệ ấp nở của trứng, nhưng nó biểu thị về giống. Trứng gà tây nuôi ở nước ta hầu hết có màu trắng đục hoặc xanh nhạt và điểm những đốm sẫm nhỏ màu nâu (đốm trứng cuốc).

Kích thước của trứng trung bình chiều dài 64,04mm, chiều rộng 46,08mm chỉ số hình dạng $D/R = 1,39$ và $R/D 71,91\%$.

Hình dáng của trứng gà tây khác với trứng gà, vịt, ngỗng là ở phần đầu có buồng khí tròn và tù hơn, đầu cuối quả trứng nhọn hơn.

Gà tây có bản năng đòi ấp và khả năng ấp rất cao. Thời gian ấp từ 28-30 ngày.

II. ĐẶC ĐIỂM DINH DƯỠNG VÀ TÁC DỤNG THỨC ĂN

1. Nhu cầu dinh dưỡng

Gà tây cũng như các loại gia cầm khác, đòi hỏi nguồn dinh dưỡng có hàm lượng protein cao lúc còn nhỏ. Đặc biệt đòi hỏi protein cao hơn gà, vịt, ngỗng. Ở gà công nghiệp từ 0-8 tuần tuổi tỷ lệ protein thì chỉ cần 22-23%, nhưng ở gà tây công nghiệp phải nuôi với tỷ lệ 26-28%. Nhu cầu dinh dưỡng trong thức ăn của gà tây liên quan đến tuổi và mục đích sản xuất.

Nhu cầu một số chất dinh dưỡng của gà tây

Các chất	Gà tây con	Gà tây nuôi thịt		Gà tây giống	
		Tuần tuổi		Thời kỳ đẻ trứng	Thời kỳ nghỉ đẻ
	0-8	9-16	17-24		
Protein thô (%)	28-26	25-20	18-15	17-15	14-13
Canxi (%)	2	1,7	1,7	2,25	1,7
Photpho (%)	1	0,85	0,75	0,75	0,75
Muối ăn (%)	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3
Tỷ lệ năng lượng trao đổi/protein	64	110-130	110-120	110	120

Mức năng lượng và tỷ lệ protein trong thức ăn của gà tây nuôi tách trống, mái ở các giai đoạn như sau:

Mức năng lượng và protein thô thích hợp trong thức ăn của gà tây ở các giai đoạn

Loại gà	Giai đoạn (tuần tuổi)		Thức ăn	
	Gà tây trống	Gà tây mái	ME (Kcal/kg)	Protein (%)
Gà tây thương phẩm	0-4	0-4	2800	28
	4-8	4-8	2900	26
	8-12	8-11	3000	22
	12-16	11-14	3100	19
	16-20	14-17	3200	16,5
	20-24	17-20	3300	14
Gà tây giống	Hậu bị nuôi hạn chế		2900	12
	Đẻ trứng		2900	14

Ngoài ra vitamin ảnh hưởng rất nhiều đến năng suất cho thịt và sức đẻ trứng của gà tây. Trong một kg thức ăn tinh bột của gà tây, cần bổ sung số lượng vitamin như sau:

Vitamin B2	4,4mg	Vitamin B12	13,2IU
Vitamin B6	13,2mg	Vitamin A	100.000IU
Axit nicotinoic	55,0mg	Vitamin D3	3.300IU
Cholinclorit	880,0mg	Vitamin E	22IU

Tuy nhiên gà tây lại có khả năng sử dụng nguồn thức ăn xanh rất tốt. Vì vậy để tiết kiệm thức ăn người ta nuôi chăn thả gà tây. Gà tây có khả năng tìm kiếm thức ăn rơi rụng và có khả năng đi xa để kiếm thức ăn.

2. Một số thức ăn chủ yếu

Thức ăn chủ yếu của gà tây gồm thức ăn xanh, thức ăn tinh bột, thức ăn protein, thức ăn bổ sung khoáng và vitamin.

Trong chăn nuôi gà tây theo hình thức chăn thả, thức ăn xanh chủ yếu là cỏ: cỏ lá, cỏ gà, cỏ gấu, cỏ tranh non và các loại cỏ hoà thảo khác, cỏ họ đậu non như cỏ ba lá, cỏ stylo và các loại rau như lá xu hào, bắp cải, xà lách, rau muống và thân cây chuối băm nhỏ, bèo tây, bèo cái...

Các loại củ quả như khoai lang, khoai sọ, sắn...

Các loại hạt ngũ cốc như ngô, thóc gạo, cám, tấm...

Các loại thức ăn giàu protein như: đỗ tương, lạc, vừng... Các loại protein động vật như tôm, cua, ếch nhái, bột cá, bột đầu tôm, sò hến... Các loại côn trùng như giun, dế...

Thức ăn bổ sung khoáng như bột xương, bột vỏ sò, vỏ hến... premix khoáng.

Các loại rau xanh là nguồn bổ sung vitamin thiên nhiên rất phong phú. Ngoài ra, ngày nay còn có premix vitamin pha chế sẵn bán rộng rãi trên thị trường.

Hiện nay nghề chăn nuôi gà tây ở nước ta đang phổ biến theo hình thức chăn thả, nên người ta sử dụng thức ăn hỗn hợp sẵn nuôi gà công nghiệp để gột gà con nâng cao tỷ lệ nuôi sống.

Ở giai đoạn gà đẻ trứng ngoài chăn thả còn cho ăn thêm thóc, ngô, sắn như trước kia, nay người ta dùng thức ăn cao đạm bán sẵn trên thị trường để hỗn hợp thêm, đã nâng cao tỷ lệ đẻ và tỷ lệ nở của trứng gà tây.

III. GIỚI THIỆU VỀ GIỐNG

Số lượng các giống gà tây khá phong phú và đa dạng. Tuy nhiên việc chọn lọc và tạo ra các giống gà tây có năng suất cao, sức sống tốt mới thực sự được tiến hành trong mấy chục năm gần đây, đạt nhiều kết quả tốt. Một số giống gà tây chính có thể giới thiệu như sau:

1. Một số giống gà tây

1.1. Giống gà tây màu đồng

Giống gà tây màu đồng (Bronze) nguồn gốc ở Mỹ. Lông màu đen xen lẫn những vạch màu đồng. Gà trống trưởng thành 8-10 kg gà mái nặng 6-8 kg. Đẻ 80-100 quả/năm. Trứng nặng 80-100g. Vỏ trứng vàng nâu điểm những chấm màu nâu sẫm.

1.2. Giống gà tây màu đồng rộng ngực

Giống gà tây màu đồng rộng ngực (Broad Breasted Bronze - BBB) có ngực rộng rất phát triển. Gà mái BBB có những chóp trắng trên đỉnh đầu. Lông ngực màu đen, lông thân màu đồng đen. Gà trống trưởng thành nặng 18-20 kg, gà mái 9-11 kg.

1.3. Giống gà Tây Bắc Capcazor

Giống gà Tây Bắc Capcazor được tạo ra ở Bắc Capcazor (Liên Xô cũ) với gà tây màu đồng rộng ngực của Mỹ. Lông màu đen, đuôi ánh đồng có khả năng cho thịt cao, gà trống trưởng thành 12-14 kg gà mái 6-7 kg. Sức đẻ trứng 80-90 quả/năm.

1.4. Gà tây Beltswill trắng

Gà tây Beltswill trắng (Beltswill Small White - BSW) được tạo ra ở Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Beltswill tại Bắc Mỹ từ sau thế chiến lần thứ 2. Đây là giống gà nhẹ cân có nhiều lợi điểm kinh tế. Gà trống

trưởng thành. 7-10 kg, con mái 5-7 kg. Đẻ 80-85 quả/năm. Chất lượng thịt ngon. Tuổi thành thực sớm.

1.5. Gà tây ngực rộng trắng

Gà tây ngực rộng trắng (Broad Breasted Large - White - BBLW) được tạo ra ở Mỹ. Lông màu trắng, ngực to rộng. Cơ thể chắc chắn, chân to, khả năng sinh trưởng cao, lợi dụng thức ăn tốt. Gà trống trưởng thành 14-15 kg, gà mái 6-8 kg. Sức đẻ trứng bình quân 90 trứng/năm.

1.6. Gà tây Hà Lan trắng

Gà tây Hà Lan trắng (White Holland) là giống được nuôi phổ biến ở châu Âu. Lông màu trắng, là giống nhẹ cân song tỷ lệ thịt cao và chất lượng thịt tốt gà trống trưởng thành 10-12 kg, mái 5-7 kg. Đẻ 80-90 quả trứng/năm.

1.7. Gà tây đen

Gà tây đen (Black) có lông màu đen. Gà trống trưởng thành 9-12 kg, gà mái 5-7 kg. Căn cứ vào khối lượng và khả năng sản xuất thịt người ta chia thành 2 loại hình:

- + Loại nặng cân.
- + Loại nhẹ cân.

2. Giống gà tây nuôi ở Việt Nam

Ở nước ta gà tây được nhập và nuôi từ nhiều thập kỷ qua. Chưa có tài liệu nói rõ về nguồn gốc các giống gà

tây này, song nhìn ngoại hình và căn cứ vào tính năng sản xuất gà tây nhân dân ta đã và đang nuôi chăn thả thuộc giống gà tây đen (lông đen) cũng có con màu lông trắng, hoa mơ nhưng do biến dị màu lông mà có. Con trống trưởng thành nặng 5-6 kg, con mái 2,8-3 kg. Sản lượng trứng 55-60 quả/năm. Năm 1997 có nhập một số gà tây Pháp thương phẩm ngực rộng lông trắng nuôi nhốt. Ở 16 tuần tuổi khối lượng cơ thể 7-8 kg, tiêu tốn thức ăn 2,6-3,8 kg thức ăn hỗn hợp cho 1kg tăng trọng, tỷ lệ nuôi sống 95-100%.

3. Phân loại theo khối lượng

E. Sasimonski, 1987 chia các giống gà tây thành 3 nhóm:

- + Nhóm tầm vóc nhỏ gà trống trưởng thành 10kg, mái 6kg.

- + Nhóm tầm vóc trung bình gà trống trưởng thành 12kg, mái 7kg.

- + Nhóm tầm vóc lớn gà trống trưởng thành 16kg, gà mái 9kg.

Sau này (1983) còn bổ sung vào nhóm tầm vóc lớn gà trống trưởng thành nặng tới 22kg, gà mái 18kg.

4. Tiêu chuẩn chọn giống

4.1. Chọn gà con

Chọn gà tây một ngày tuổi cũng như chọn các giống gà khác cần chú ý chọn những con lông bông không bết

dính, nhanh nhẹn đi lại dễ dàng. Mắt sáng mở to cử động bình thường. Tiếng kêu to, khoẻ. Hai cánh ôm sát vào mình không sã xuống. Chân đứng thẳng không vòng kiềng hoặc chân chữ bát, không hở rốn, thải phân không dính đít.

4.2. Chọn gà dò chuyển lên để sinh sản

Thường người ta nuôi gà tây đến 28-30 tuần tuổi: Nếu để giết thịt, ở giai đoạn này người ta đã bán, còn nếu tiếp tục nuôi để đẻ trứng tái sản xuất ra gà tây người ta chọn để nuôi tiếp.

+ Chọn gà trống dò: Chọn những con khoẻ mạnh: Trong quá trình nuôi không bị ốm đau, bệnh tật. Khối lượng cơ thể khoảng 4,5-5 kg. Nhanh nhẹn xông xáo và khi gần người biểu hiện tính hung hăng hoặc hay ghe mái. Cơ thể không có khuyết tật như vẹo đuôi, sã cánh, vẹo xương lườn hái, chân vòng kiềng, chữ bát... Chọn những con mào phát triển màu đỏ. Lông bóng mượt. Chân thẳng to và da chân mỡ màng.

+ Chọn gà mái dò: Chọn những con không có khuyết tật như gà trống dò, cần lưu ý chọn khối lượng cơ thể khoảng 2,8-3,5 kg. Lông mượt bóng, mắt tinh nhanh, ngực rộng, lườn hái thẳng. Bụng mềm, xương háng rộng để lọt 1 ngón tay trở. Chân thẳng, da chân mỡ màng.

Người ta thường chọn giữ tỷ lệ đực/cái = 1/10. Nhưng để đẻ phòng thường phải để dư một số trống dự trữ

thay thế cho những con trống bị dị tật ở đường sinh dục, không có khả năng truyền giống hoặc chất lượng tinh trùng kém.

Vì vậy ở giai đoạn 270-280 ngày tiếp (khoảng thời gian gà tây đã đẻ sang tháng thứ 2) người ta tiến hành chọn lại những con mái, loại những con có lỗ huyết (lỗ đít) quá nhỏ, chứng tỏ là những con đó chưa đẻ, hoặc đẻ kém.

IV. KỸ THUẬT NUÔI GÀ TÂY CON

Một trong những nguyên nhân làm cho gà tây kém phát triển ở nước ta trong thời gian vừa qua là tỷ lệ nuôi sống gà tây quá thấp, chỉ nuôi sống được 30-40%. Gà tây con bị chết nhiều, vì chưa nuôi đúng quy trình kỹ thuật, nhất là chưa cung cấp đủ nhiệt úm gà con, để gà con chết rét.

Gần đây một số nơi đáp ứng đủ nhiệt đã nâng tỷ lệ nuôi sống gà tây con từ 1 ngày đến 9 tuần tuổi đạt 90-98%. Để đảm bảo nuôi sống gà tây con đạt tỷ lệ cao cần chú ý làm tốt các việc sau:

- Chuẩn bị chuồng nuôi: Chuồng nuôi phải làm theo hướng đông nam để thông thoáng, nhưng không lộng gió khó giữ nhiệt. Chuồng nuôi phải ở nơi khô ráo sạch sẽ, chuồng cần được chống chuột, cầy, chó mèo vào ăn gà con. Chuồng và dụng cụ nuôi được tiêu độc như nuôi gà công nghiệp.

- Chuẩn bị chất độn chuồng bằng trấu, vỏ bào, mặt cưa, rơm rạ phải được phơi khô và xông khói formol để tiêu độc.

- Chuẩn bị quây cót, bao tải, đèn điện chiếu sáng và sưởi ấm.

- Chuẩn bị đầy đủ máng và thức ăn, máng nước uống đảm bảo vệ sinh.

Khi gà nở khô lông cho gà xuống chuồng nuôi. Cần đảm bảo nhiệt độ từ 28-30°C trong 5 ngày đầu. Sau đó giảm 1 tuần tuổi 2°C đến bằng nhiệt độ môi trường tự nhiên thì thôi. Chủ yếu nếu ở vùng cao nhiệt độ thấp thì có thể duy trì nhiệt độ 18-20°C cho đến tháng tuổi, sau đó có thể nuôi ở nhiệt độ môi trường có nhiệt độ thấp.

Những ngày đầu người ta giữ mật độ từ 70-50 con/m² đàn. Chiếu sáng 24 giờ/24 giờ. Giai đoạn này người ta cho gà ăn bằng thức ăn gà con của gà công nghiệp (2800-2900 Kcal/kg thức ăn và 18-20% protein). Ngày cho ăn 5-6 bữa. Gà được chăm sóc giống như quy trình úm gà con công nghiệp và nuôi cho khi được 8 tuần hoặc 2 tháng tuổi.

Cho ăn thức ăn tự do, không hạn chế.

Ở giai đoạn gà tây con thường cảm nhiễm nhiều bệnh. Vì vậy cần hết sức chú ý phòng bệnh bằng cách thực hiện nghiêm túc quy trình kỹ thuật chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi và phòng bệnh bằng các loại vacxin chính sau đây:

Lịch tiêm phòng vacxin

Loại vacxin	Lần sử dụng	Ngày tuổi	Phương pháp phòng vacxin
Lasota	2	7 và 21	Cho uống
Mareck	1	1	Cho uống
Đậu	2	10 và 135	Chủng dưới da
Gumboro	2	13 và 27	Tiêm phòng
Newcastle hệ 1	2	42-150	Tiêm phòng

Nuôi gà tây con ở những tháng độ ẩm không khí cao như từ tháng 12 đến tháng 4 (mùa đông xuân), cần phòng bệnh nấm phổi (*Aspergillus*) bằng cách luôn giữ chuồng nuôi và chất độn chuồng, dụng cụ chăn nuôi khô, sạch. Nếu gà bị bệnh, dùng Nistatin 55 mg/kg khối lượng phổi hợp với glucoza và vitamin C, B1 cho uống trong 3 ngày liên sẽ có kết quả tốt.

V. KỸ THUẬT NUÔI GÀ TÂY HẬU BỊ

Gà tây nuôi đến 8 tuần tuổi hoặc đến 2 tháng tuổi, nếu để lấy thịt người ta nuôi theo quy trình vỗ béo, còn nếu nuôi để sinh sản người ta tiến hành nuôi hạn chế không cho ăn tự do tránh quá béo sau này sinh sản kém. Từ tuần thứ 8 trở đi cho gà ăn 70% cám gạo (hoặc thóc, sắn) với 30% thức ăn gà công nghiệp. Cho mỗi con

ăn 50g thức ăn chia làm 2 bữa/ngày. Khi gà trọc đầu mọc lông đuôi tập cho gà ăn thóc hầm 1 tuần với số lượng 50 g/con/ngày. Giai đoạn này có thể thả ra bãi chăn 5-6 giờ 1 ngày để gà tập ăn cỏ. Sau đó giảm dần thức ăn tinh nếu gà tự kiếm no trên đồng bãi chăn. Người ta chỉ bổ sung thức ăn tinh khi gà tự kiếm không no. Vì vậy, sau 1 ngày chăn, cần quan sát mức độ điều to nhỏ để cho ăn bổ sung thức ăn tinh tại chuồng nuôi.

Ở giai đoạn này mật độ chuồng nuôi giữ ở 15-30 con/m². Không cần chiếu sáng khi đã chăn thả hoàn toàn.

VI. KỸ THUẬT NUÔI GÀ TÂY ĐỀ

Khi gà được 7-8 tháng tuổi, chọn lọc đưa đàn vào sinh sản, người ta cho ăn thức ăn tinh tăng dần để dựng đẻ. Lượng ăn 150-200 g/con/ngày. Khi gà đẻ rộ giảm dần lượng thức ăn xuống 130-150 g/con/ngày. Nếu thức ăn thóc là chủ yếu thì phải bổ sung protein, khoáng, vitamin để đảm bảo khẩu phần có 14-15% protein và 2750 Kcal/kg thức ăn.

Gà đẻ xong trật đẻ đầu, tăng lượng thức ăn lên 150-200 g/con/ngày. Khi gà nghỉ đẻ thì giảm và ngừng thức ăn tinh, chỉ chăn thả trên bãi khoảng 7-10 ngày. Khi dựng đẻ trật sau cho ăn thức ăn tinh từ 140-150 g/con/ngày và chăn thả trên bãi 6-7 giờ ngày.

Chú ý khi gà đẻ, chăn thả gần chuồng để gà về đẻ vào ổ, không để gà đẻ vương vãi trên bãi mát trứng. Mật độ chuồng nuôi 4-5 con/m².

Kỹ thuật chọn trứng và ấp trứng

1) Chọn trứng ấp

+ Chọn trứng theo ngoại hình

Khi chọn trứng ấp ta chú ý loại bỏ các quả trứng quá to, quá nhỏ, vỏ quá mỏng, méo mó, xù xì, rạn dập, vì những trứng này nếu có nở, chất lượng gà tây con sẽ kém và không thể làm giống được.

Trứng quá dài vượt quá 1,6 (dài/rộng), hoặc quá tròn cũng không nên cho vào ấp vì tỷ lệ lòng đỏ và lòng trắng không cân đối sẽ làm giảm tỷ lệ nở.

+ Chọn trứng bằng đèn soi

Sau khi kiểm tra ngoại hình để chọn loại bỏ những quả không đủ tiêu chuẩn ấp, soi kiểm tra để phát hiện rạn dập vì trong quá trình ấp ẩm độ cao rạn nứt sẽ tạo khe hở vi khuẩn xâm nhập vào bên trong, đồng thời gây tỷ lệ mất nước lớn, tỷ lệ chết phôi cao.

Ngoài ra, khi soi kiểm tra còn xem lòng đỏ có nằm ở vị trí giữa không, có dị vật, cục máu bên trong không, nếu có cũng loại, không ấp.

Kiểm tra kích thước buồng khí. Nếu vị trí buồng khí ở đầu to, có kích thước quá lớn, buồng khí di động hoặc rung động đều không cho vào ấp.

2) Xử lý trứng ấp

+ Khử trùng trứng ấp trước khi đưa vào ấp:

Nếu ấp số lượng nhỏ, không có nhiều đợt thì việc xử lý trước khi vào ấp không là vấn đề lớn. Nhưng ấp nhiều đợt thì việc này rất quan trọng vì vi khuẩn lưu giữ trong máy sẽ xâm nhập vào trứng gây chết phôi, độc tố lây lan sang trứng khác làm lượng amoniac (NH_3) H_2S tăng. Trước khi đưa trứng vào ấp phải xông trứng bằng formol, thuốc tím diệt vi khuẩn.

+ Phương pháp xông trứng:

Cho trứng vào khay, xếp vào một khoang kín có cửa cử tính 1m^3 buồng kín xông lượng formol và thuốc tím cho 1m^3 thể tích buồng xông như sau: Cân 1,75g thuốc tím vào một khay có đường kính 30cm. Sau đó đóng 35ml formol và 35ml nước đổ vào khay đã có thuốc tím sau khi đổ formol vào đóng cửa 30 phút rồi từ từ mở cửa ra.

Các khay và máy ấp phải được cọ rửa thường xuyên. Nếu máy nghỉ không ấp có thể xông trứng luôn vào máy, sẽ kết hợp xông cả trứng và máy. Trường hợp trứng quá bẩn, phải rửa trứng thì dùng dung dịch thuốc tím (pha dung dịch có màu nâu), nhiệt độ dung dịch luôn phải lớn hơn nhiệt độ môi trường $5-10^\circ\text{C}$, rửa nhanh, xếp lên khay cho khô nước. Không cọ vỏ, tránh làm mất màng nhầy bên ngoài vỏ.

+ Xếp trứng vào khay

Trứng gà tây và trứng ngan có khối lượng trung bình lớn hơn trứng gà nên không xếp thẳng đứng như trứng gà, chỉ nên xếp nằm ngang (180°) gây góc 30° , 45° để khi thao tác trong quá trình ấp, có thể đảo tay được. Không nên vì tiết kiệm máy mà xếp tùy tiện vì điều này cũng gây chết phôi. Khi xếp để đầu to trứng gối lên đầu nhỏ ở phía dưới, tuyệt đối không để nhầm lẫn, xếp ngược lại.

3) Chế độ ấp nhân tạo trứng gà tây

Qua kết quả điều tra tình hình chăn nuôi gà tây ở nước ta cho thấy: hiện nay các gia đình nuôi gà sinh sản thường sử dụng chính gà tây mẹ để ấp trứng. Mặc dù phương thức ấp tự nhiên này đơn giản, thuận tiện song do gà tây bản năng ấp trứng dai và thời gian ấp trứng dài (28-30 ngày) nên thường sau giai đoạn ấp, gà tây mái giảm sút sức khỏe, làm giảm năng suất trứng và hiệu quả chăn nuôi.

Trước tình hình đó, việc đưa trứng gà tây vào ấp nhân tạo là một việc làm quan trọng và cần thiết nhằm góp phần nâng cao khả năng sinh sản và thúc đẩy sự phát triển chăn nuôi gà tây ở nước ta hiện nay.

Trứng gà tây có khối lượng khá lớn (71,22g), hình thái trứng cân đối với chỉ số dài/rộng là 1,39-1,4. Chất lượng trứng gà tây tốt, tỷ lệ lòng đỏ của trứng khá cao (33,00%). Độ dày vỏ trứng trung bình 0,24, vì vậy, vỏ

trứng chắc có thuận lợi trong việc vận chuyển và bảo quản.

Sự giảm khối lượng trong quá trình ấp của trứng gà tây diễn ra liên tục và tương đối đều. Hết ngày ấp thứ 24, sự giảm khối lượng trứng gà tây đạt 14,32%.

Chế độ ấp trứng gà tây trên máy công nghiệp

Thời gian ấp (ngày)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)
1-7	37,6-37,8	55-57
4-24	37,4-37,6	53-55
25-28	37,2-37,4	60-62

Chế độ ấp như trên cho trứng gà tây Việt Nam đã cho tỷ lệ nở/phôi đạt 82,83%. Tuy nhiên tỷ lệ nở/tổng trứng vào ấp vẫn thấp 60,47% do tỷ lệ phôi chỉ có 73,0%.

VII. KỸ THUẬT NUÔI GÀ TÂY LẤY THỊT

1. Kỹ thuật nuôi thịt

Giai đoạn gà con (từ sơ sinh đến 8 tuần tuổi) gà được nuôi bằng thức ăn công nghiệp và cám gạo, gà chưa biết kiếm mồi, nguồn thức ăn cho gà phải cung cấp gần như toàn bộ. Từ tuần tuổi thứ 8 trở đi hàng ngày chăn thả 6-7 giờ, gà chủ yếu ăn cỏ và tìm kiếm mồi trên ruộng đồng, bãi cỏ. Mỗi ngày cho ăn thêm 2 bữa vào bữa sáng

sớm và chiều tối. Thông thường trong chăn nuôi gà tây truyền thống ở đồng bằng 2 vụ lúa hằng năm gà tây có thể tận dụng thức ăn rơi vãi khoảng 3,5-4 tháng không phải cho ăn thêm. Tiêu tốn thức ăn giai đoạn này để tăng 1kg tăng trọng khoảng 3kg thức ăn tinh.

Giai đoạn từ 12-14 tuần tuổi mặc dầu đầu tư thức ăn ở giai đoạn này không có gì thay đổi lớn so với giai đoạn trước nhưng do gà tự kiếm mồi tốt và gà đã ăn cỏ nhiều nên tăng trọng cao. Do đó tiêu tốn thức ăn để tăng 1kg tăng trọng chỉ chiếm 1,85kg thức ăn tinh.

Giai đoạn từ 24-30 tuần tuổi là thời gian thúc vỗ béo. Thức ăn tinh cho ăn vào sáng sớm, trưa, chiều tối 140-150 g/ngày. Tuy giai đoạn này tiêu tốn thức ăn mất 3,52kg để tăng 1kg tăng trọng cao hơn 2 giai đoạn trước, nhưng rất quan trọng vì các giai đoạn trước tăng thể trọng chủ yếu là tăng khung xương chưa có thịt, ở giai đoạn này tăng trọng chính tăng khối lượng cơ thịt. Mật độ chuồng nuôi 8-10 con/m².

Vì vậy, giai đoạn này chăn thả là để gà vận động và kiếm nguồn thức ăn xanh.

2. Khảo sát khả năng sản xuất thịt

2.1. Khả năng sản xuất thịt gà tây Việt Nam

Ở giai đoạn kết thúc 30 tuần tuổi, gà tây có tầm vóc khá lớn và sự chênh lệch giữa gà tây trống và mái khá

cao (trung bình là 5,16kg ở con trống và 2,95kg ở con mái).

Kết quả khảo sát cho thấy:

Khả năng sản xuất thịt của gà tây

Chỉ tiêu khảo sát	ĐV tính	Gà trống (n = 15)		Gà mái (n = 15)	
		X ± mx	Tỷ lệ	X ± mx	Tỷ lệ
P (khối lượng) sống	kg	5,51 ± 0,12	100	3,03 ± 0,11	100
P (khối lượng) sau cắt tiết	kg	5,22 ± 0,15	94,73	2,89 ± 0,09	95,38
P (khối lượng) sau cắt tiết, vật lỏng	kg	4,95 ± 0,16	89,84	2,78 ± 0,10	91,75
P(khối lượng) thân thịt	kg	4,16 ± 0,15	75,50	2,30 ± 0,07	76,90
P (khối lượng) thịt đùi	g	769,13 ± 27,71	13,69	439,60 ± 12,95	14,51
P thịt ngực	g	838,00 ± 25,20	15,21	474,15 ± 13,30	15,65

Như vậy ở giai đoạn 30 tuần tuổi, gà tây có khả năng cho thịt tốt, khối lượng thân thịt trung bình là 4,16kg ở con trống và 2,3kg ở con mái, chiếm tỷ lệ 75,5% và 76,9%. Điều đó chứng tỏ tỷ lệ hao hụt ở gà tây khá thấp (ở vịt Cỏ tỷ lệ này là 67-69%, ở vịt Bầu là 66-67%).

Ngoài ra, ở gà tây phần thân thịt có ý nghĩa kinh tế và giá trị dinh dưỡng cao như thịt đùi, thịt ngực đều

chiếm một tỷ lệ đáng kể (13,96-15,21% ở con trống 14,51-15,65% ở con mái).

Qua đây, ta thấy tỷ lệ thịt xẻ của gà tây khá cao, cũng như các loài gia cầm khác, con mái cao hơn con trống. Nếu nuôi nhốt kết hợp với chăn thả thì tỷ lệ cơ ức, cơ đùi cao hơn nuôi nhốt hoàn toàn.

Gà tây là một trong số các loại gia cầm có khả năng cho thịt cao do chúng có khối lượng cơ thể lớn và tỷ lệ hao hụt sau giết mổ thấp.

2.2. Chất lượng thịt của gà tây

Thành phần hoá học	Tỷ lệ	
	Thịt đùi	Thịt ngực
Nước	75,73 ± 0,28	75,76 ± 0,15
Vật chất khô	24,27 ± 0,25	24,24 ± 0,31
Protein thô	21,23 ± 0,31	22,55 ± 0,37
Mỡ thô	1,56 ± 0,38	0,05 ± 0,44
Khoáng	1,16 ± 0,24	1,13 ± 0,44

Kết quả cho thấy: thịt gà tây có chất lượng tốt, tỷ lệ protein có trong thịt khá cao (21,23-22,55%). Đặc biệt tỷ lệ mỡ trong thịt gà tây rất thấp (0,50-1,56%), trong khi đó tỷ lệ này ở vịt 10 tuần tuổi là 2%.

VIII. MỘT SỐ BỆNH GÀ TÂY THƯỜNG MẮC

1. Sự cảm nhiễm bệnh tật

Theo điều tra và các tài liệu giới thiệu về bệnh gà tây cho biết: gà tây đều nhiễm các bệnh như gà công nghiệp. Song với việc chủ động phòng dịch bằng vaccin kháng sinh, tăng cường sức đề kháng bằng vệ sinh môi trường, chế độ ánh sáng, chế độ chăm sóc nuôi dưỡng, đàn gà có sức đề kháng tốt với các bệnh như Gumboro, Newcastle, Mycoplasma, Cầu trùng...

Cũng qua khảo sát cho thấy gà tây trắng chỉ mắc những bệnh trên ở giai đoạn nhỏ và không thấy có ở giai đoạn trưởng thành hầu hết đều chết ở giai đoạn dưới 4 tuần tuổi.

Lịch phòng vaccin

Loại vaccin	Lần sử dụng	Ngày tuổi
Marek	1	1
Lasota	2	7 và 21
Đậu	2	10 và 135
Gumboro	2	13 và 27
Newcastle hệ 1	2	42 và 150

2. Một vài bệnh cần lưu ý

Bệnh nấm phổi (Aspergillus)

Gà tây Pháp rất mẫn cảm với độc tố nấm mốc và dễ bị mắc nấm phổi (Aspergillus) mạnh, mặc dù đã được điều trị dự phòng ở các ngày tuổi, 4, 5, 6, 7 khi nuôi tập trung.

Điều trị: Dùng nistatin 55 mg/kg thể trọng phối hợp với glucoza và vitamin cho kết quả điều trị tốt, trong 3 ngày.

Bệnh Staphylococcus

Bệnh nhiễm tương đối sớm ở ngày tuổi thứ 15. Kiểm tra gà ốm đã phát hiện vi khuẩn Staphylococcus. Gà tây bị Stress sau khi sử dụng vacxin và tổn thương đường tiêu hoá do ăn vật cứng là các yếu tố thúc đẩy bệnh phát triển.

Điều trị: (Liệu trình 3-5 ngày)

- Streptomycin 1g.
- Penicilline 1 triệu UI/12-15 kg thể trọng.
- Ampiciline 1 triệu UI/10kg thể trọng.

* Lưu ý:

- Bệnh Aspergillus dễ nhiễm và bệnh xảy ra mức độ nặng. Nếu phòng bệnh tốt sẽ rất có ý nghĩa kinh tế.

- Sau khi dùng vaccin nhất là vaccin Gumboro lần I phải chú ý bổ sung vitamin C, B và tăng cường công tác vệ sinh phòng bệnh.

IX. HIỆU QUẢ KINH TẾ CHĂN NUÔI GÀ TÂY

Chăn nuôi gà tây là nghề truyền thống của nhiều gia đình ở vùng đồng bằng Bắc bộ. Một trong những đặc điểm của các gia đình chăn nuôi gà tây sinh sản là các gia đình có kinh nghiệm chăn nuôi, có hệ thống tiêu thụ con giống ổn định, vì vậy chăn nuôi ít thay đổi về quy mô.

Khác với các nghề chăn nuôi gia cầm khác, các gia đình nuôi gà tây mang tính chất sản xuất hàng hoá rõ rệt, mọi khoản chi phí đều được nông dân ghi chép đầy đủ. Lao động sử dụng trong chăn nuôi gà tây truyền thống là những lao động phụ hoặc làm kết hợp với nghề khác. Hiệu quả của chăn nuôi thường được đánh giá theo phương châm lấy công làm lãi.

Tài liệu dưới đây là kết quả điều tra của 14 hộ gia đình thuộc các tỉnh Hưng Yên, Hà Tây và đàn nuôi thí nghiệm.

1. Hiệu quả kinh tế chăn nuôi gà tây sinh sản

Chỉ tiêu	Đơn vị	Đàn thí nghiệm		Kết quả điều tra	
		Số lượng	Thành tiền (1000đ)	Số lượng	Thành tiền (1000đ)
1. Số đàn	đàn	2		14	
2. Số con	con	226		1.347	
3. Hạch toán					
a. Phần thu					
- Trứng thương phẩm	quả	865	865,0	11.989	9.591,2
- Gà con 1 ngày tuổi	con	8.762	40.734,06	35.463	167.315,0
Giá trị chuyển năm sau	con	218	6.540,0	1.281	38.430,0
Tổng thu	1000đ		48.139,06		215.336,2
b. Phần chi					
- Giống	con	226	10.480,0	1.347	60.615,0
- Thức ăn	kg	4.757,2	11.268,0	25.547,0	46.427,0
- Thuốc thú y	1000đ		400,0		1.250,0
- Chi khác	1000đ		1.400,0	13.660,0	
Tổng chi	1000đ	23.548,6		121.952,0	
c. Lãi	1000đ		24.594,6		93.384,2
d. Hiệu quả kinh tế					
- Tổng thu/chi phí vật chất			2.044		1,766
- Lãi/chi phí vật chất			1.044		0,766
Tổng thu/1 gà sinh sản	1000đ		213,00		159,00
Lãi/1 gà sinh sản	1000đ		108,81		69,00

2. Hiệu quả chăn nuôi gà tây thịt

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Thành tiền
1. Số con	con	106	
2. Hạch toán		388,46	5.826.900,0
a. Phần thu	kg		
b. Phần chi			
- Con giống	con	106	530.000,0
- Thức ăn			
+ Thóc	kg	586,0	1.172.000,0
+ Cám tổng hợp	kg	60,0	372.000,0
+ Cám gạo	kg	56,0	113.000,0
- Thuốc thú y	đ		100.000,00
- Chi khác	đ		219.000,00
Tổng chi	đ		2.506.000,0
c. Lãi	đ		3.320.900,0
d. Hiệu quả kinh tế			
- Tổng thu/chi phí vật chất			2,325
- Lãi/chi phí vật chất			1,325
- Thu/tháng	đ		474.414,29
- Tổng thu/1 con	đ		54.970,75
- Lãi/1 con	đ		31.329,25

PHỤ LỤC

1. Một số tiêu chuẩn ăn của gà tây

1.1. Tiêu chuẩn ăn cho gà tây giống

Thành phần	0-4 tuần tuổi	5-14 tuần tuổi	15-36 tuần tuổi	Gà đẻ
Năng lượng (Kcal)	3.000	2.900	2.900	2.750
Protein thô (%)	25	19	14,5	14-15
Tỷ lệ ME/Protein	120	152,6	200	200
Canxi (%)	1,35	1,10	0,9	3,2
Photpho tổng số (%)	0,88	0,75	0,70	0,68
Lizin (%)	1,54	1,05	0,85	0,70
Metionin (%)	0,45	0,36	0,30	0,38
Tryptophan (%)	0,25	0,20	0,15	0,15

Với đàn gà nuôi sinh sản, nuôi không chế khối lượng từ tuần tuổi thứ 8 trở đi

1.2. Khẩu phần ăn của gà tây giống

Nguyên liệu (%)	0-4 tuần tuổi	5-14 tuần tuổi	15-36 tuần tuổi	Gà đẻ
Vifaco-44	11,6	23,5	-	-
Ngô	53,5	60,0	62,5	56,1
C25 (Con cò)	-	-	12,8	-
C21 (Con cò)	-	-	-	19,0
Cám tẻ	-	6,3	16,9	7,0
Thóc	-	-	-	3,0
Khô đỗ tương	25,3	-	3,0	4,0
Bột cá Kiên Giang	6,8	6,1	2,0	2,0
Bột xương	2,1	1,0	2,0	3,5
Dầu đỗ tương	-	-	-	-
Bột đá	-	2,0	-	3,2
Khoáng	0,3	-	0,2	1,5
Vitamin	0,2	0,3	0,3	0,3
Lizin	0,2	0,2	0,2	0,2
Metionin	0,1	0,1	0,1	0,1
Tổng	100	100	100	100

1.3. Tiêu tốn lượng thức ăn của gà tây Pháp giống nuôi tại Việt Nam (cả trống lẫn mái)

Giai đoạn tuổi	Thức ăn tinh		Thức ăn xanh	
	g/con/ngày	Cả đợt	g/con/ngày	Cả đợt
0-4 tuần tuổi	43,0	1205,0	43,0	903
5-14 tuần tuổi	156,2	10938,0	112,4	7869
15-36 tuần tuổi	613,9	47271	46,5	7156
Tổng cả 3 giai đoạn 0-36 tuần tuổi	-	59		15,93

1.4. Tiêu tốn thức ăn cho gà tây Việt Nam trong điều kiện nuôi chăn thả và bán chăn thả

Tuần tuổi	Nuôi nhốt		Nuôi nhốt + chăn thả	
	Rau xanh	Hỗn hợp tinh	Rau xanh	Hỗn hợp tinh
1	1,10	0,67	0,91	0,60
4	2,64	1,65	2,41	1,46
6	3,02	1,98	4,26	2,28
12	6,52	3,09	2,32	2,91
14	7,20	3,28	2,17	3,06
15	7,80	3,54	2,08	3,27
16	8,98	4,03	1,88	2,29
17	9,12	4,32	1,70	3,41
18	-	-	1,62	3,66
19	-	-	1,54	3,86
20	-	-	1,53	4,19
Tổng	4,99	2,54	3,00	2,53

2. Một số tiêu chuẩn ăn của gà tây vô béo

2.1. Tiêu chuẩn cho gà tây Pháp vô béo

Thành phần	0-4 tuần tuổi	5-8 tuần tuổi	9-12 tuần tuổi	13-16 tuần tuổi
Năng lượng (Kcal)	3000	3100	3100	3100
Protein (%)	27,0	26,0	22,0	18
Tỷ lệ ME/Protein	111	119,2	140,9	-
Canxi (%)	1,3	1,55	1,06	1,06
Photpho tổng số (%)	0,85	0,89	0,81	0,77
Lizin (%)	1,59	1,6	0,36	1,07
Metionin (%)	0,44	0,61	1,23	0,36
Tryptophan (%)	-	-	-	-
Muối	0,19	-	-	-

2.2. Khẩu phần ăn cho gà tây vô béo

Nguyên liệu (%)	0-4 tuần tuổi	5-8 tuần tuổi	9-12 tuần tuổi	13-16 tuần tuổi
Vifaco-44	8,2	3,7	12,7	9,0
Ngô	49,4	47,3	56	60,5

Nguyên liệu (%)	0-4 tuần tuổi	5-8 tuần tuổi	9-12 tuần tuổi	13-16 tuần tuổi
Cám tẻ	-	1,2	1,4	8,0
Khô đỗ tương	28,4	28,7	19,8	12,3
Bột cá Kiên Giang	11,2	13,6	5,1	5,2
Bột xương	2,1	1,7	1,2	1,2
Dầu đỗ tương	-	1,9	2,1	2,1
Bột đá	-	0,6	0,6	0,6
Khoáng	0,3	0,5	0,5	0,5
Vitamin	0,1	0,3	0,3	0,3
Lizin	0,2	0,3	0,2	0,2
Metionin	0,1	0,2	0,1	0,1
Tổng	100	100	100	100

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	3
CHĂN NUÔI GÀ THẢ VƯỜN	
I. Giới thiệu một số giống gà thả vườn Việt Nam	5
1. Gà vườn nội	5
2. Gà vườn nhập nội	10
3. Gà cải tiến trong nước	11
II. Thức ăn của gà thả vườn	12
1. Thức ăn cung cấp bột đường	12
2. Thức ăn giàu protein	13
3. Thức ăn giàu vitamin	14
4. Thức ăn khoáng	15
5. Nước uống	16
III. Kỹ thuật chọn, bảo quản trứng và ấp trứng	17
1. Chọn trứng	17
2. Vận chuyển trứng	18
3. Thời gian bảo quản	18
4. Đảo trứng	18
	91

5. Thời gian ấp tái sản xuất đàn	18
6. Chọn mái ấp	19
7. Các điều kiện trong quá trình ấp	19
IV. Kỹ thuật nuôi gà con	20
1. Lúc gà bắt đầu nở (ngày 20, 21)	20
2. Nuôi dưỡng gà con	22
V. Kỹ thuật nuôi gà dò, hậu bị	25
VI. Kỹ thuật nuôi gà đẻ	29
1. Mật độ chuồng	29
2. Nhiệt độ thích hợp	29
3. Độ ẩm chuồng nuôi	29
4. Ánh sáng	29
5. Tiêu chuẩn khẩu phần	30
6. Tỷ lệ ghép đàn	31
7. Bản năng đòi ấp và các phương pháp cai ấp	32
8. Hiện tượng thay lông	33
VII. Kỹ thuật nuôi gà thịt	34
VIII. Kỹ thuật mổ khảo sát và tính các thành phần	36
IX. Chuồng trại, sân chơi	38
X. Một số bệnh gà nội thả vườn hay mắc	40
1. Bệnh bạch ly	41
2. Bệnh Newcastle (Tân thành gà)	42

3. Bệnh tụ huyết trùng	42
4. Bệnh đậu	43
5. Bệnh cầu trùng	44
7. Bệnh rận, mạt gà	46
8. Bệnh ghẻ chân voi	46
XI. Hạch toán giá thành	46
1. Chi các khoản	47
2. Thu	47

CHĂN NUÔI GÀ TÂY

I. Đặc điểm ngoại hình, sinh trưởng và sinh sản	58
1. Đặc điểm ngoại hình	58
2. Đặc điểm sinh trưởng của gà tây	59
3. Đặc điểm sinh sản của gà tây	61
II. Đặc điểm dinh dưỡng và tác dụng thức ăn	62
1. Nhu cầu dinh dưỡng	62
2. Một số thức ăn chủ yếu	64
III. Giới thiệu về giống	65
1. Một số giống gà tây	66
2. Giống gà tây nuôi ở Việt Nam	67
3. Phân loại theo khối lượng	68
4. Tiêu chuẩn chọn giống	68

IV. Kỹ thuật nuôi gà tây con	70
V. Kỹ thuật nuôi gà tây hậu bị	72
VI. Kỹ thuật nuôi gà tây đẻ	73
Kỹ thuật chọn trứng và ấp trứng	74
VII. Kỹ thuật nuôi gà tây lấy thịt	77
1. Kỹ thuật nuôi thịt	77
2. Khảo sát khả năng sản xuất thịt	78
VIII. Một số bệnh gà tây thường mắc	81
1. Sự cảm nhiễm bệnh tật	81
2. Một vài bệnh cần lưu ý	82
IX. Hiệu quả kinh tế chăn nuôi gà tây	83
1. Một số tiêu chuẩn ăn của gà tây	86
2. Một số tiêu chuẩn ăn của gà tây vỗ béo	89

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 8.523887, 8.521940 - Fax: 04.5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm - Q.I - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08 - 8299521, 8297157 - Fax: 08.9101036

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CAO ĐOANH

Phụ trách bản thảo
BÍCH HOA

Trình bày, bìa
ĐỖ THỊNH

In 2000 bản, khổ 13 x 19 cm, tại xưởng in NXB NN. Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số 28/192 do Cục xuất bản cấp ngày 26/2/2002. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2004.

chăn nuôi gà thả vườn và gà



63 - 630

- 28/192 - 2002

NN - 2004

Giá: 10.000đ